

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Bích Hậu
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ,
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN
KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG – USCO – TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM
VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Bích Hậu
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Hòa Thị Thanh Hương**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Bích Hậu

Mã SV: 1412401183

Lớp: QT1807K

Ngành: Kế toán-Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán 6 tháng đầu năm 2016 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên : Hòa Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Bích Hậu

Hòa Thị Thanh Hương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016

Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH MỤC VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ ĐẦY ĐỦ
CP	Cổ phần
BTC	Bộ tài chính
TK	Tài khoản
SH	Số hiệu
NT	Ngày tháng
CT	Chứng từ
XD	Xây dựng
USCO	Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
GTGT	Gía trị gia tăng
CPBH	Chi phí bán hàng
CPQLDN	Chi phí quản lý doanh nghiệp
XĐKQKD	Xác định kết quả kinh doanh
XK	Xuất khẩu
NSNN	Ngân sách nhà nước
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	Error! Bookmark not defined.
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	1
1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.1.3 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.1.3.1 Doanh thu	2
1.1.3.2 Chi phí	5
1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh	6
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	7
1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	7
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng	7
1.2.1.3. Phương pháp kế toán	8
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng	9
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng	9
1.2.2.3 Phương pháp kế toán	Error! Bookmark not defined.
1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán	11
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng	12
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng	12
1.2.3.3 Phương pháp kế toán	13
1.2.4. Kế toán chi phí	14
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng	Error! Bookmark not defined.
1.2.4.2 Tài khoản sử dụng	Error! Bookmark not defined.

1.2.4.3 Phương pháp kế toán	15
1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính	18
1.2.5.1 Chứng từ sử dụng	Error! Bookmark not defined.
1.2.5.2 Tài khoản sử dụng	Error! Bookmark not defined.
1.2.5.3 Phương pháp kế toán	19
1.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	22
1.2.6.1 Chứng từ sử dụng	22
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng	Error! Bookmark not defined.
1.2.6.3 Phương pháp kế toán	Error! Bookmark not defined.
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	24
1.2.7.1 Chứng từ sử dụng	Error! Bookmark not defined.
1.2.7.2 Tài khoản sử dụng	Error! Bookmark not defined.
1.2.7.3 Phương pháp kế toán	Error! Bookmark not defined.
1.3. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG – USCO – TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HẢI PHÒNG	2
2.1. Tổng quan về Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng	34
2.1.1. Chức năng, nhiệm vụ của Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng	34
2.1.2. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy tại chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng	34
2.1.3. Đặc điểm công tác kế toán của Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định XD Hải Phòng	36
2.1.3.1. Đặc điểm bộ máy kế toán của chi nhánh:	36
2.1.3.2. Hình thức ghi sổ kế toán và các chính sách kế toán tại chi nhánh	37
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng	38

2.2.1 Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng .	38
2.2.1.1 Đặc điểm sản phẩm dịch vụ tại Chi nhánh.	38
2.2.1.2 Chứng từ sử dụng	38
2.2.1.4 Phương pháp kế toán	38
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định XD Hải Phòng	45
2.2.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng	45
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng	45
2.2.2.3 Quy trình hạch toán	45
2.2.3 Thực trạng kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định XD Hải Phòng	50
2.2.3.1 Thực trạng kế toán chi phí bán hàng	50
2.2.3.2 Thực trạng kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	50
2.2.3.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng	50
2.2.3.2.2 Tài khoản sử dụng	50
2.2.3.2.3 Quy trình hạch toán	50
2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định XD Hải Phòng.	55
2.2.4.1 Thực trạng kế toán Kế toán chi phí tài chính	55
2.2.4.2 Thực trạng kế toán Kế toán doanh thu tài chính	55
2.2.4.2.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng	55
2.2.4.2.2 Tài khoản sử dụng	55
2.2.4.2.3 Quy trình hạch toán	55
2.2.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định XD Hải Phòng	59
2.2.5.1. Thực trạng Kế toán chi phí khác	59
2.2.5.2 Thực trạng Kế toán thu nhập khác	59
2.2.5.2.1 Chứng từ sử dụng	59
2.2.5.3. Tài khoản sử dụng	59
2.2.5.4. Phương pháp kế toán	59

2.2.6. Thực trạng kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâmThí nghiệm và Kiểm định XD	
Hải Phòng	65
2.2.6.1 Chứng từ sử dụng	65
2.2.6.2 Tài khoản sử dụng	65
2.2.6.3 Phương pháp kế toán	65
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG – USCO – TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HẢI PHÒNG	76
3.1. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng.	76
3.1.1. Ưu điểm	76
3.1.2. Hạn chế.	78
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng.	81
3.2.1.Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	81
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	81
3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng.	82
3.2.3.1 Ý kiến thứ nhất Chi nhánh công ty nên xác định kết quả kinh doanh theo từng dịch vụ	83
3.2.3.2 Ý kiến thứ hai:Chi nhánh công ty nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi	
87	
3.2.3.3 Ý kiến thứ ba Chi nhánh công ty nên áp dụng kế toán máy	89
KẾT LUẬN	93
TÀI LIỆU THAM KHẢO	92

LỜI MỞ ĐẦU

Trong thời buổi nền kinh tế hiện đại Công nghiệp hóa - hiện đại hóa hiện nay thì sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp (DN) là không thể tránh khỏi. Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải tự chủ về kinh tế và tài chính mới có thể đứng vững trong nền kinh tế đầy biến động hiện nay. Có thể nói kế toán chính là cánh tay đắc lực trong việc thay đổi cơ cấu tổ chức, đưa ra quyết định đúng đắn để giúp doanh nghiệp có những giải pháp tốt nhất về tình hình tài chính, nâng cao doanh thu, các loại chi phí sẽ giảm, tạo ra lợi nhuận lớn nhất cho doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, qua quá trình thực tập tại Chi nhánh Công ty Cổ phần (CP) Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng, được sự giúp đỡ của Ban Giám đốc, các cán bộ Ban Tài chính - Kế toán, cùng sự hướng dẫn tận tình của ThS. Hòa Thị Thanh Hương, em xin đi sâu vào nghiên cứu đề tài: ***"Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng"***. Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung gồm 3 phần:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng.

Em rất mong nhận được những ý kiến, đóng góp để bài viết của mình được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Sinh viên

Nguyễn Thị Bích Hậu

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh (XĐKQKD) có vai trò quan trọng giúp DN quản lý chính xác các thu nhập, tổng chi phí từ đó XĐKQKD trong kỳ kế toán. Tổ chức công tác kế toán hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc theo dõi, điều hành sản xuất kinh doanh (SXKD) có hiệu quả. Để công cụ kế toán (KT) phát huy hết vai trò của mình, đòi hỏi các DN phải không ngừng cải tiến và hoàn thiện hơn nữa công tác KT nói chung cũng như KT doanh thu (DT), chi phí và XĐKQKD nói riêng. Vì vậy, việc tổ chức công tác KT DT, chi phí và XĐKQKD một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho DN, cơ quan quản lý để DN phát triển bền vững hơn.

1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

➤ Theo dõi thuế giá trị gia tăng (GTGT) đầu ra và tình hình sử dụng hóa đơn, theo dõi các khoản phải thu khách hàng.

➤ Xác định DT, các khoản thu nhập khác (TNK) phát sinh trong kỳ, phản ánh đúng các khoản giảm trừ doanh thu để xác định doanh thu thuần (DTT).

➤ Xác định đúng chính xác đối tượng tính giá thành và hạch toán chính xác giá vốn. Phản ánh vào nội dung chi phí kinh doanh phải đảm bảo đúng nội dung quy định chế độ hiện hành.

➤ Tính doanh thu, lợi nhuận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ Lập bảng so sánh tình hình hoạt động, kinh doanh giữa các kỳ của chi nhánh công ty, đưa ra những ưu điểm cần phát huy và nhược điểm khắc phục.

1.1.3 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.3.1 Doanh thu

DT là tổng các giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. DT bao gồm:

❖ ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (DTBH và CCDV)***

DTBH và CCDV là toàn bộ số tiền thu được từ việc BH và CCDV của DN bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện:

- DN đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- DN không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- DT được xác định tương đối chắc chắn.
- DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

✓ ***Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:***

- *Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:* Là phương thức giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.
- *Phương thức gửi hàng cho khách:* Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.
- *Phương thức gửi đại lý, ký gửi:* Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hoá gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán, khách hàng đã ứng trước tiền mua hàng về số hàng gửi đi bán. Chỉ khi nào

được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: Theo phương pháp này, doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường rồi dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

✓ **Chiết khấu thương mại (CKTM)**: là khoản DN bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

✓ **Giảm giá hàng bán**: là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách.

✓ **Hàng bán bị trả lại**: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi DN ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ **Các loại thuế phải nộp Nhà nước:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) được coi là một trong các khoản làm giảm doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Thuế xuất nhập khẩu (XNK) được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hoá được phép XK qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế XK. Trong doanh thu của hàng XK đã bao gồm số thuế XK phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số DT đã được xác định trong kỳ báo cáo.

❖ ***Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ***

DTT về BH và CCDV là số chênh lệch giữa DTBH và CCDV với các khoản giảm trừ doanh thu. Và được tính bằng tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ (-) các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp).

❖ ***Doanh thu hoạt động tài chính (DTHĐTC)***

DTHĐTC bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức...

❖ ***Thu nhập khác***

TNK là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.3.2 Chi phí

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản sau:

❖ ***Giá vốn hàng bán (GVHB)***

GVHB là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. Giá vốn hàng bán có tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp. Đối với lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.

❖ ***Chi phí bán hàng (CPBH)***

CPBH là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi phí cần thiết khác phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hóa.

❖ ***Chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN)***

CPQLDN phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ và hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

❖ ***Chi phí hoạt động tài chính (CPHĐTC)***

CPHĐTC bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

❖ **Chi phí khác (CPK)**

CPK phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

❖ CPK bao gồm những khoản chi phí (hoặc khoản lỗ) phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)**

Thuế TNDN là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế TNDN là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động SXKD là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kỳ kế toán. Kỳ kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh*: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- *Lợi nhuận từ hoạt động tài chính*: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính chi phí hoạt động tài chính.

- *Lợi nhuận từ hoạt động khác*: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác .

Công thức xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận trước} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{thuế của doanh} & = & \text{hoạt động sản} & + & \text{hoạt động tài} & + & \text{hoạt động} \\ \text{nghiệp} & & \text{xuất kinh doanh} & & \text{chính} & & \text{khác} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận từ hoạt} & & & & & & \\ \text{động sản xuất kinh} & = & \text{Doanh thu} & - & \text{Giá vốn hàng} & - & \text{Chi phí BH,CP} \\ \text{doanh} & & \text{thuần} & & \text{bán} & & \text{QLDN} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận từ hoạt động} & = & \text{Doanh thu hoạt động} & - & \text{Chi phí hoạt động} \\ \text{tài chính} & & \text{tài chính} & & \text{tài chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} & = & \text{Thu nhập khác} & - & \text{Chi phí khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập} & = & \text{Lợi nhuận trước} & & \text{Chi phí thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} & & \text{thuế của doanh} & - & \text{doanh nghiệp hiện} \\ & & \text{nghiệp} & & \text{hành} \end{array}$$

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

Tùy theo phương pháp kế toán thuế GTGT, phương thức thanh toán mà kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ như:

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Và các chứng từ thanh toán như phiếu thu, séc, giấy báo có của ngân hàng,...và một số chứng từ khác.

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu và nội dung TK 511:

✓ **Bên Nợ:**

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XNK)
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản [911](#) "Xác định kết quả kinh doanh".

✓ **Bên Có:**

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

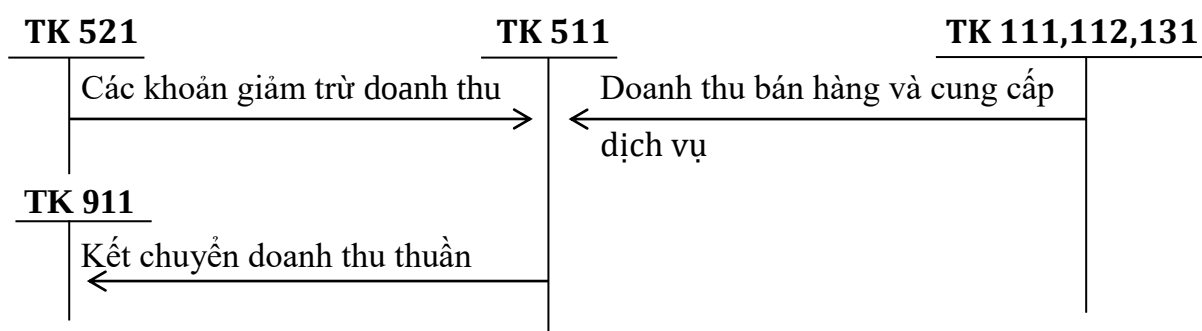
✓ **Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.**

Các tài khoản cấp 2 bao gồm:

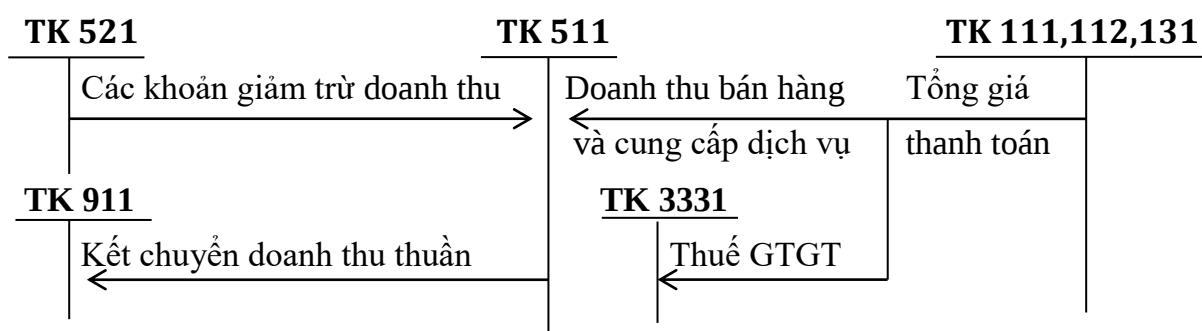
- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

1.2.1.3. Phương pháp kế toán

Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được khái quát bằng sơ đồ 1.1 và sơ đồ 1.2:



Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương pháp kế toán thuế trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương pháp kế toán thuế khấu trừ

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**1.2.2.1 Chứng từ sử dụng**

Các chứng từ thường dùng là:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu nhập kho
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Kết cấu và nội dung TK 521:

✓ Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;
- Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán

✓ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

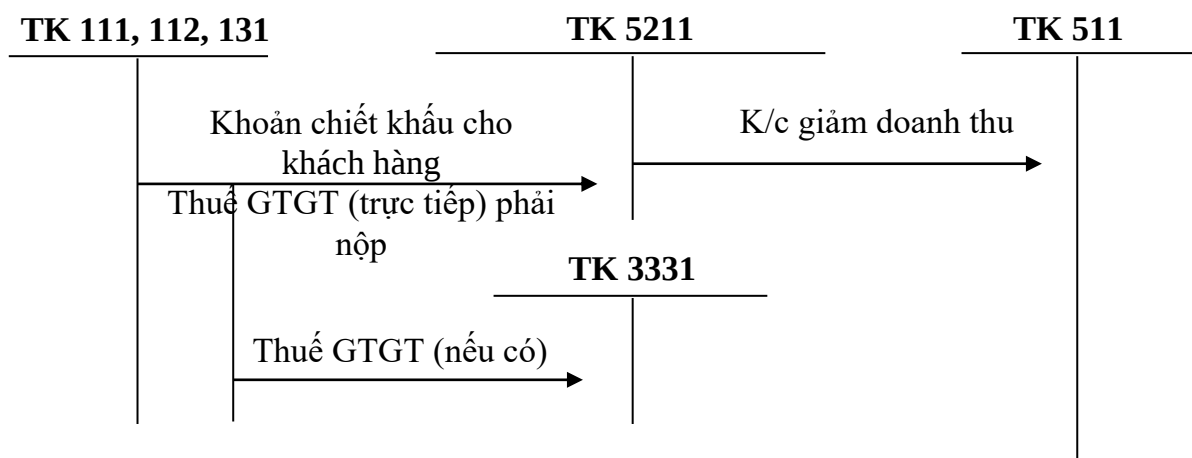
✓ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

Các tài khoản cấp 2 bao gồm:

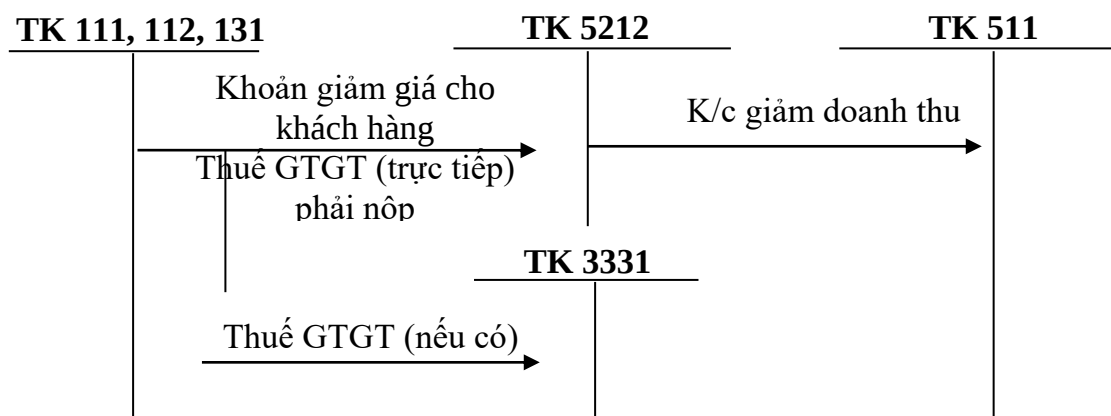
- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán

1.2.2.3 Phương pháp kế toán

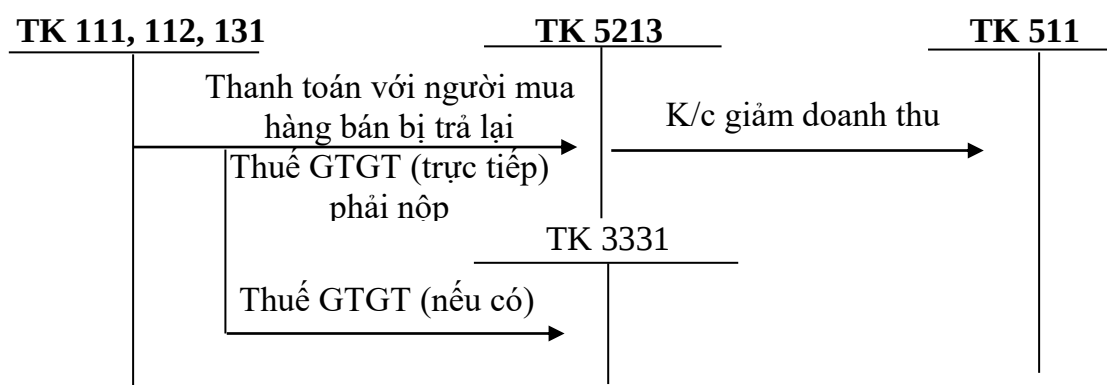
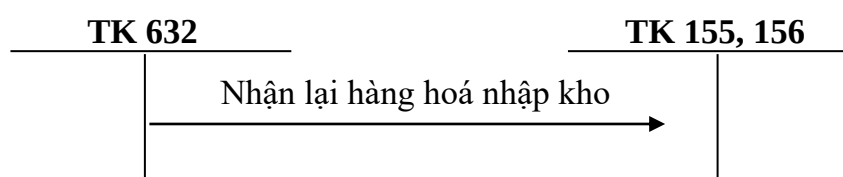
Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát bằng sơ đồ 1.3 và 1.4:



Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.4 Kế toán tổng hợp giảm giá hàng bán



Sơ đồ 1.5 Kế toán tổng hợp hàng bán bị trả lại

1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

❖ Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Để tính giá trị hàng hoá xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính trị giá hàng xuất kho theo quy định hiện hành.

➤ *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của DN.

➤ *Phương pháp nhập trước xuất trước:*

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

➤ *Phương pháp giá bán lẻ:*

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng. Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí mua hàng tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán.

➤ *Phương pháp tính theo giá đích danh:*

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Biên bản giao nhận hàng hóa...

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán

Kết cấu và nội dung TK 632:

✓ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

✓ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản **911** “Xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
- Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.

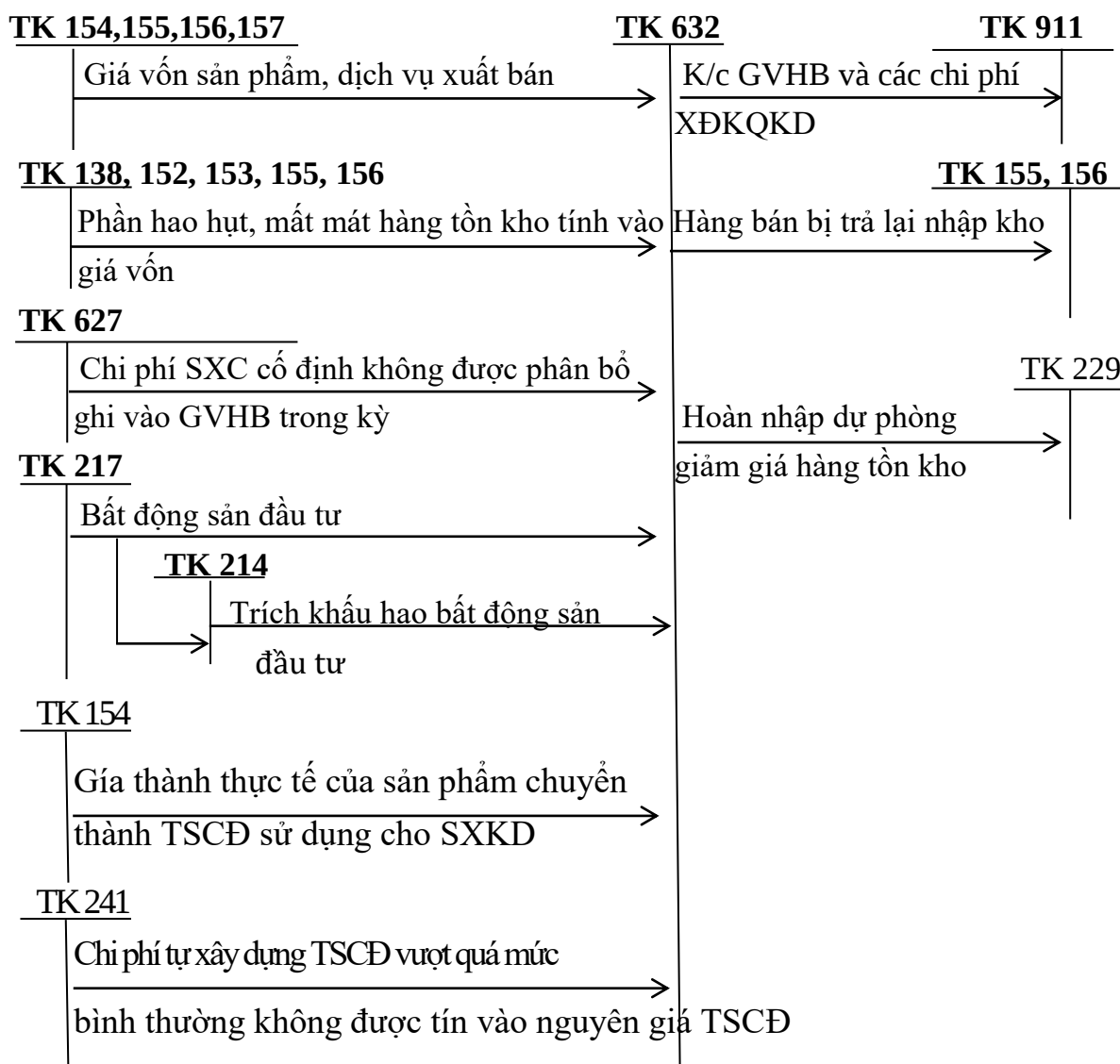
- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

✓ **Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.**

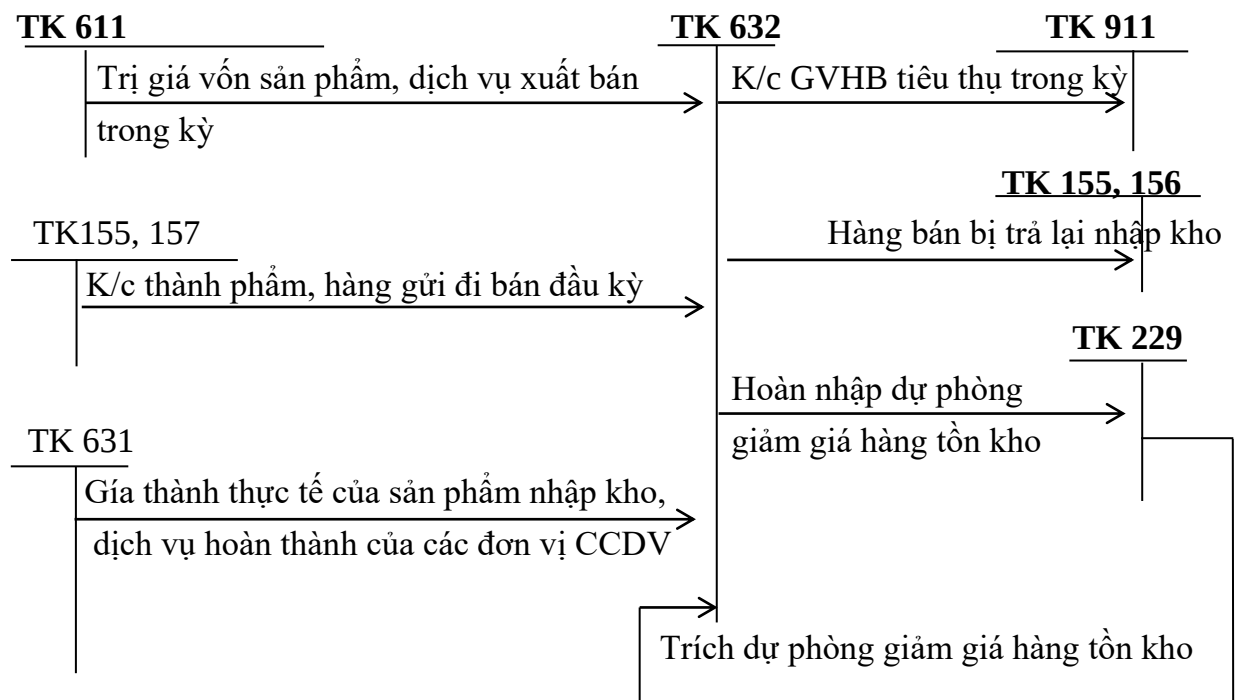
Tài khoản 632 không có tài khoản cấp 2.

1.2.3.3 Phương pháp kế toán

Trị giá vốn của hàng tồn kho được theo dõi trên TK 632 bằng sơ đồ 1.6 và 1.7:



Sơ đồ 1.6 Kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.7 Kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.4. Kế toán chi phí

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

- TK 641 – Chi phí bán hàng
- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

✚ Kết cấu và nội dung TK 641:

✓ Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

✓ Bên Có:

- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ;
- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản [911](#) "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

✓ Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

Các tài khoản cấp 2 bao gồm:

- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác
- ✚ Kết cấu và nội dung TK 642

✓ Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dư phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dư phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dư phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

✓ Bên Có:

- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dư phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dư phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản [911](#) "Xác định kết quả kinh doanh".

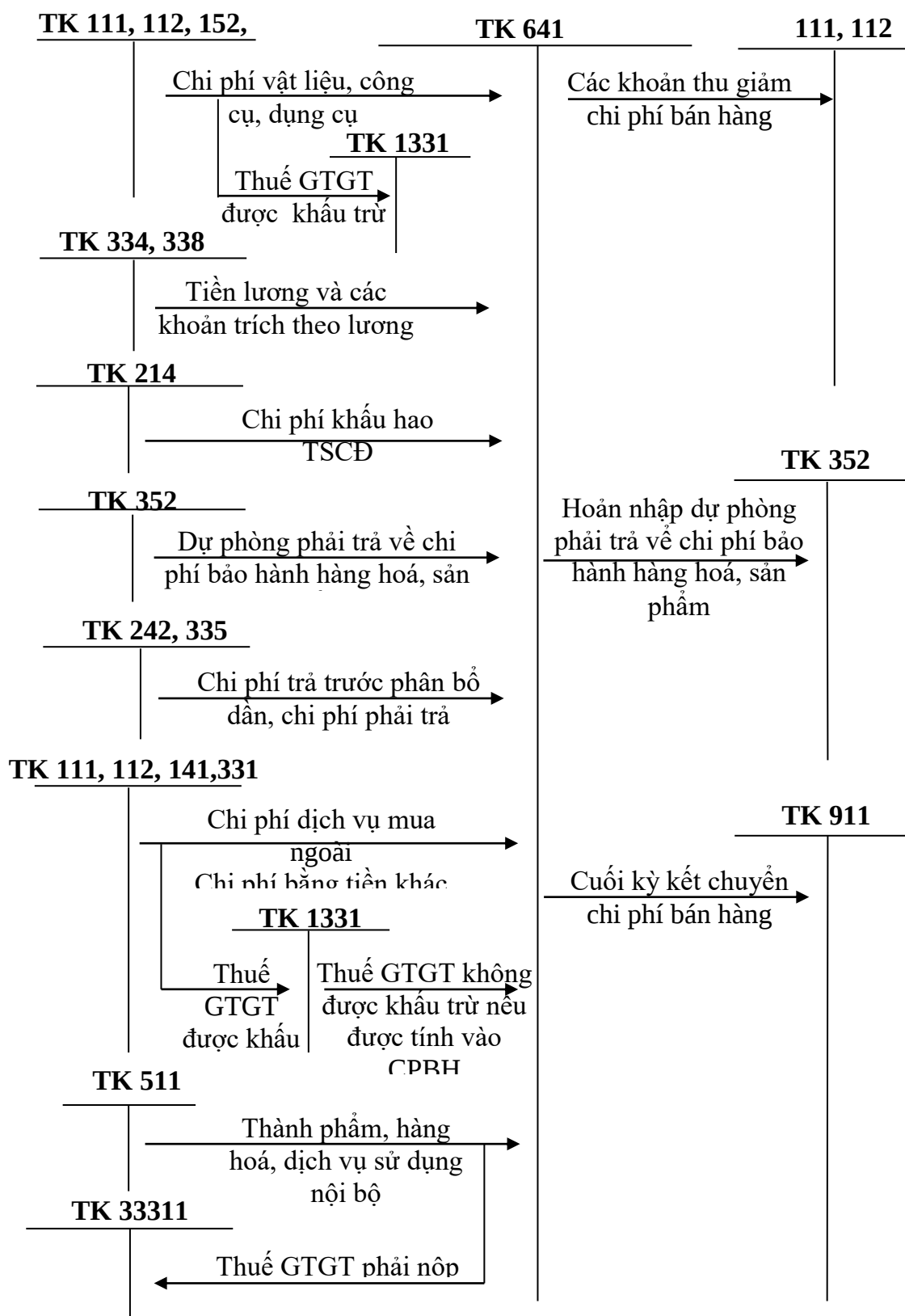
✓ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Các tài khoản cấp 2 bao gồm:

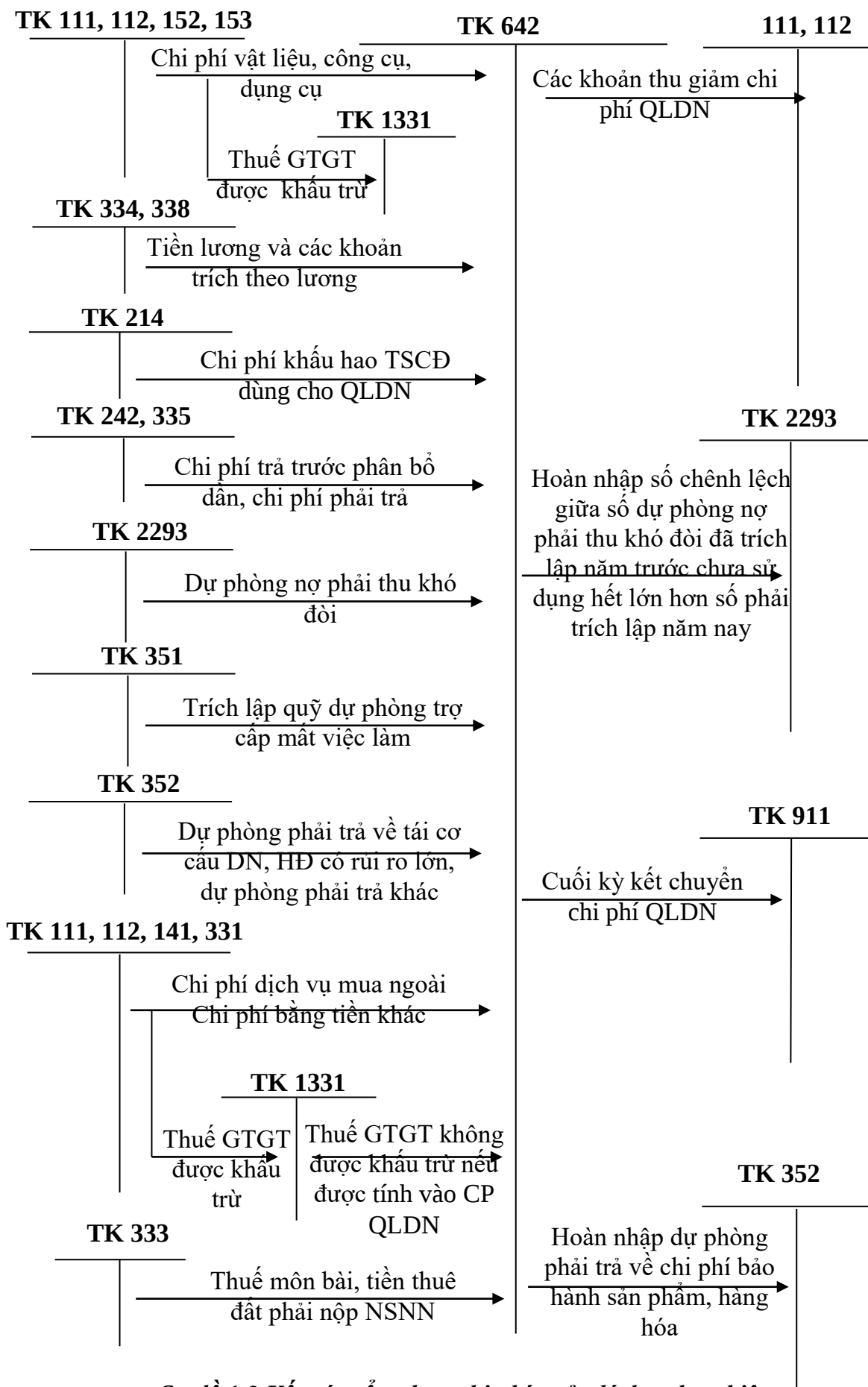
- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác

1.2.4.3 Phương pháp kế toán

Phương pháp kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát bằng sơ đồ 1.8 và sơ đồ 1.9:



Sơ đồ 1.8 Kế toán tổng hợp chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.9 Kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính**1.2.5.1 Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Phiếu kế toán

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng **TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung TK 515:

✓ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên Có:

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

✓ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 515 không có tài khoản cấp 2.

 TK 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Kết cấu và nội dung TK 635:

✓ Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

✓ Bên Có:

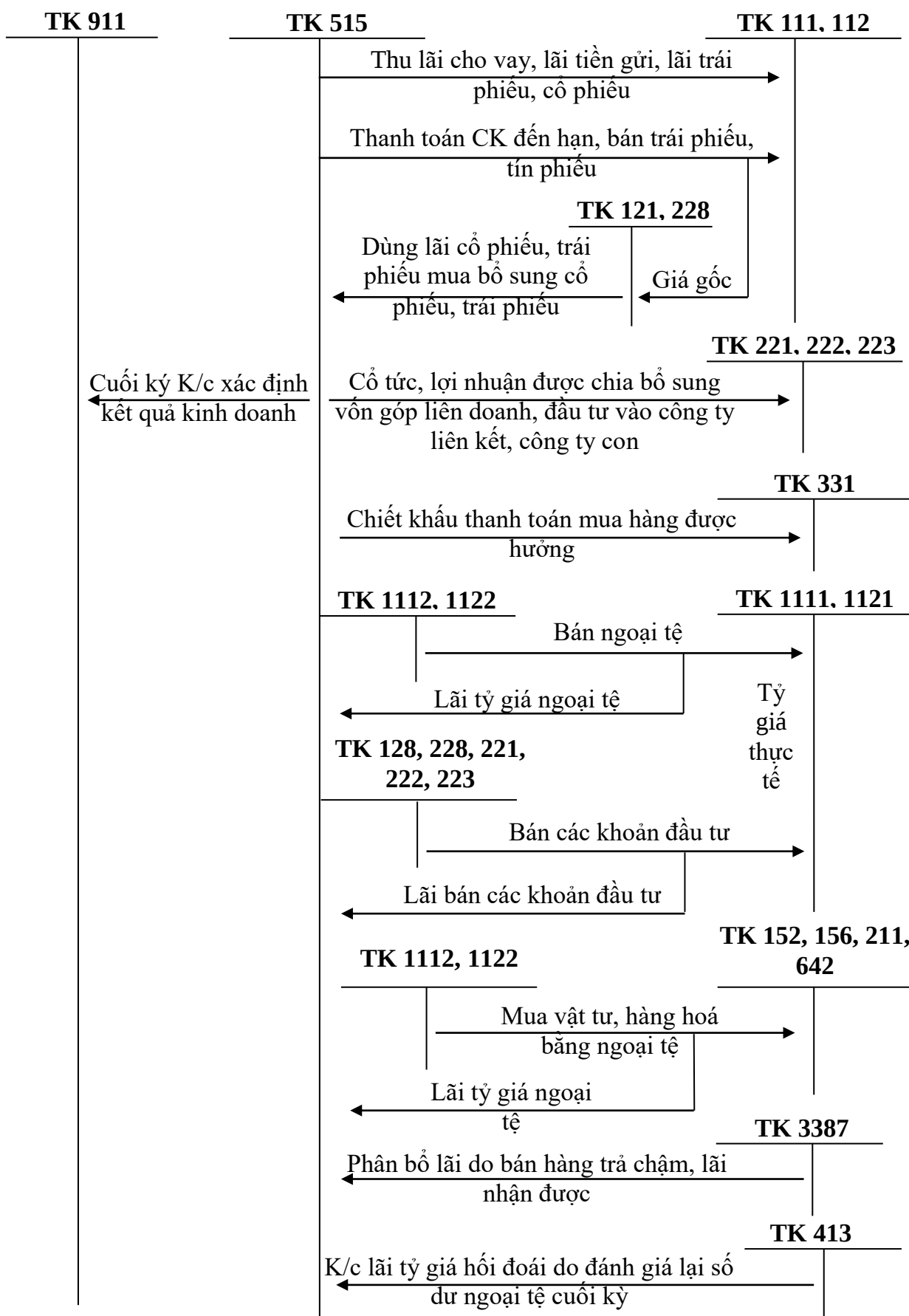
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

✓ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

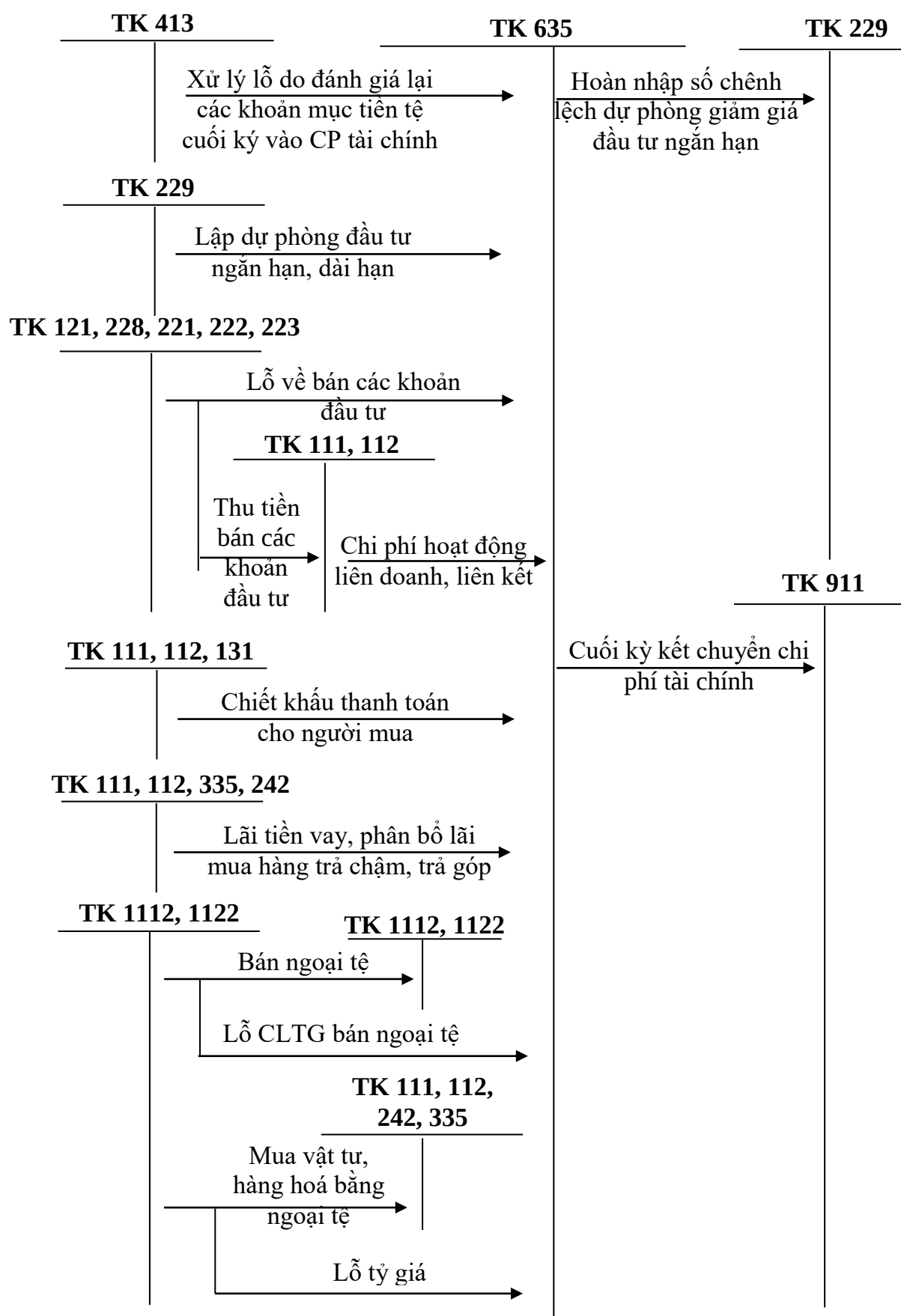
Tài khoản 635 không có tài khoản cấp 2.

1.2.5.3 Phương pháp kế toán

Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính được thể hiện bằng sơ đồ 1.10 và sơ đồ 1.11:



Sơ đồ 1.10 Kế toán tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.11 Kế toán tổng hợp chi phí tài chính

1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**1.2.6.1 Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy uỷ nhiệm chi, giấy báo có...
- Các chứng từ liên quan khác: biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế,...

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

 TK 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản [911](#) “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

✓ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 711 không có tài khoản cấp 2.

 TK 811 – Chi phí khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ

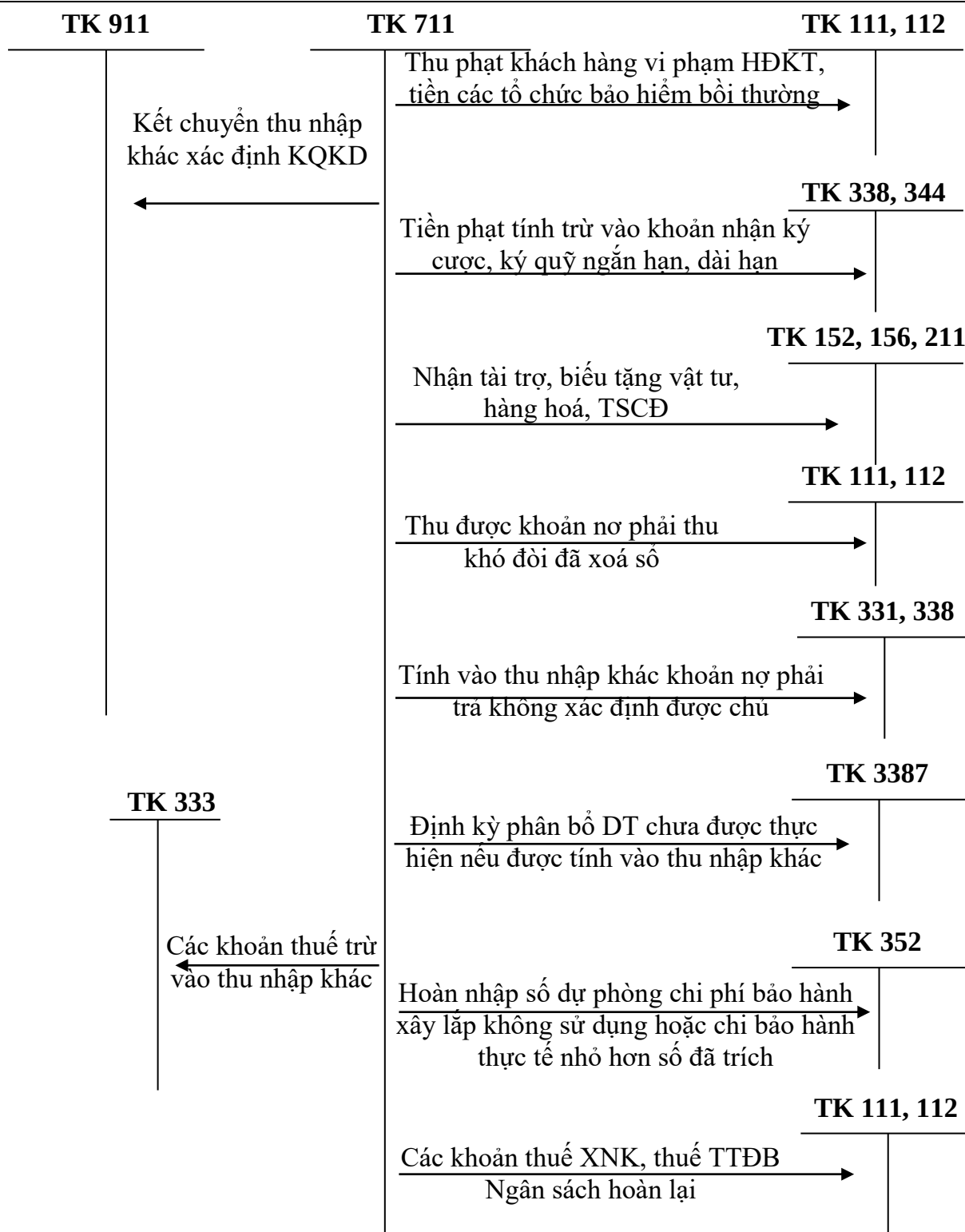
- Các khoản chi phí khác phát sinh

✓ Bên Có

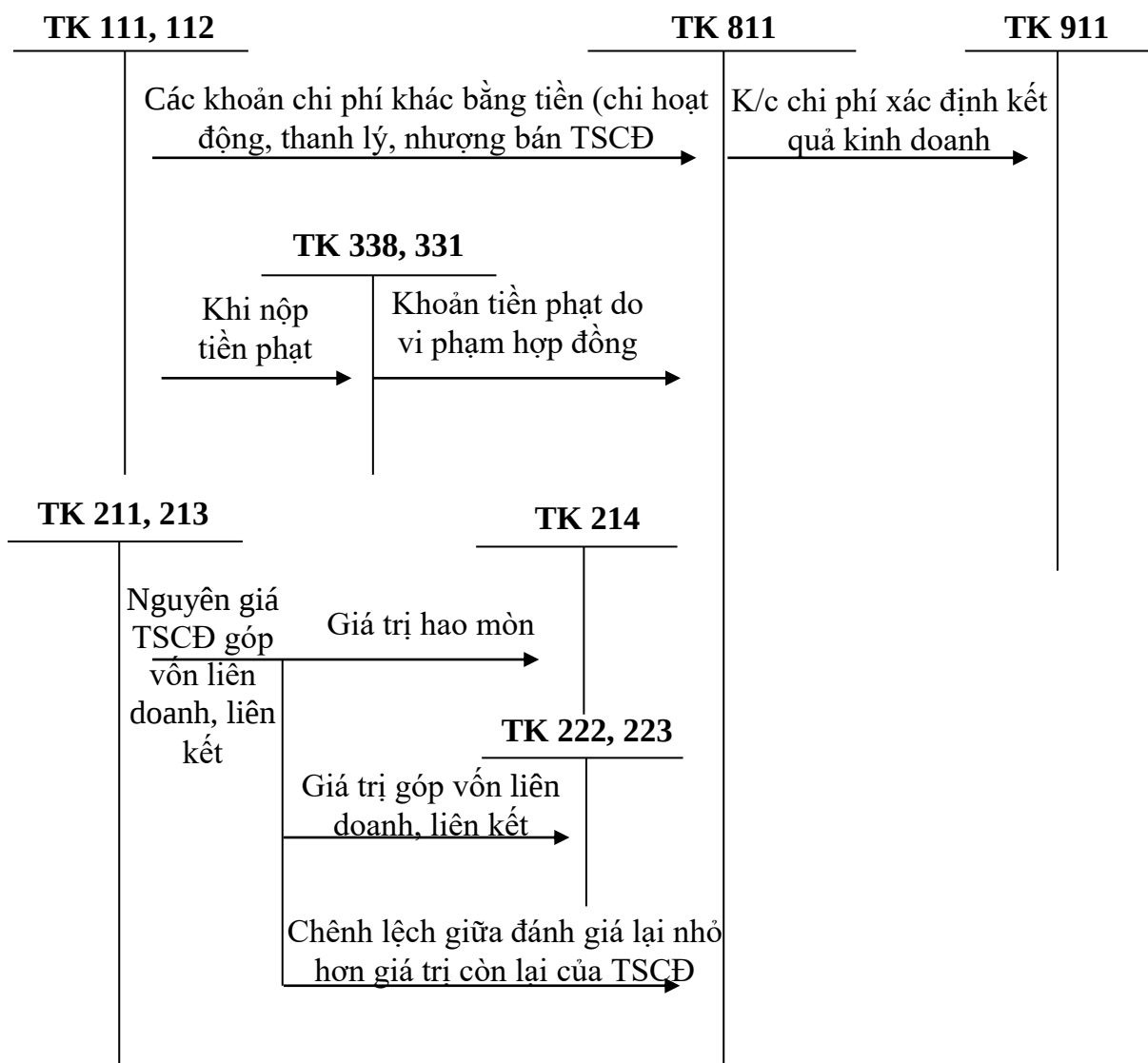
- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản [911](#) “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.**1.2.6.3 Phương pháp kế toán**

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát thông qua sơ đồ 1.12 và sơ đồ 1.13:



Sơ đồ 1.12 Kế toán tổng hợp thu nhập khác



Sơ đồ 1.13 Kế toán tổng hợp chi phí khác

1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.7.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.7.2 Tài khoản sử dụng

📌 TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết cấu và nội dung TK 911:

✓ **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

✓ **Bên Có:**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Kết chuyển lỗ.

✓ **Tài khoản 911 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.**

 TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Kết cấu và nội dung TK 821:

✓ **Bên Nợ:**

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (TK 8211)**
 - + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.
- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (TK 8212)**
 - + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm)
 - + Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm)
 - + Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên Có:**- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (TK 8211)**

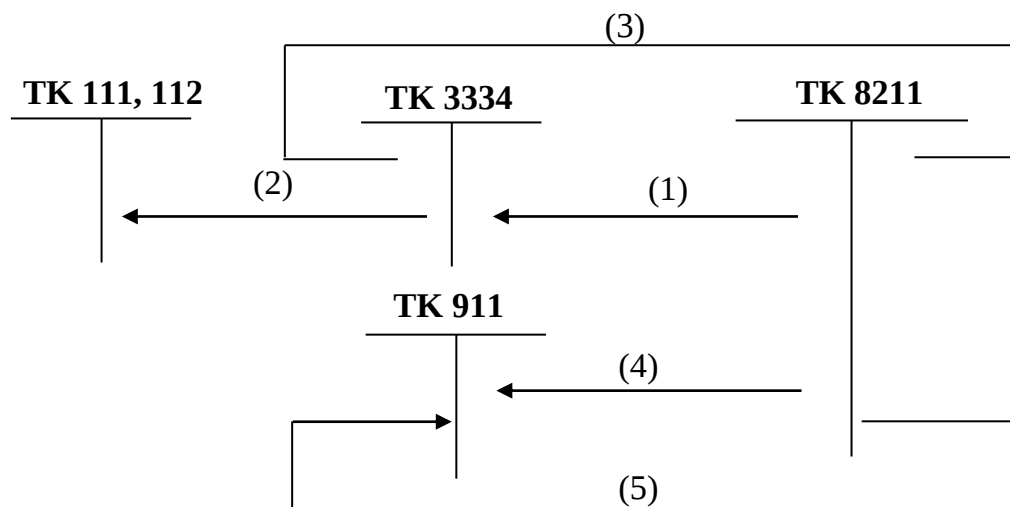
- + Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;
- + Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;
- + Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”;

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (TK 8212)

- + Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);
- + Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);
- + Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”

✓ Tài khoản 821 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.**1.2.7.3 Phương pháp kế toán**

Phương pháp hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát thông qua bảng sơ đồ 1.14:



Sơ đồ 1.14 Kế toán tổng hợp chi phí thuế TNDN hiện hành

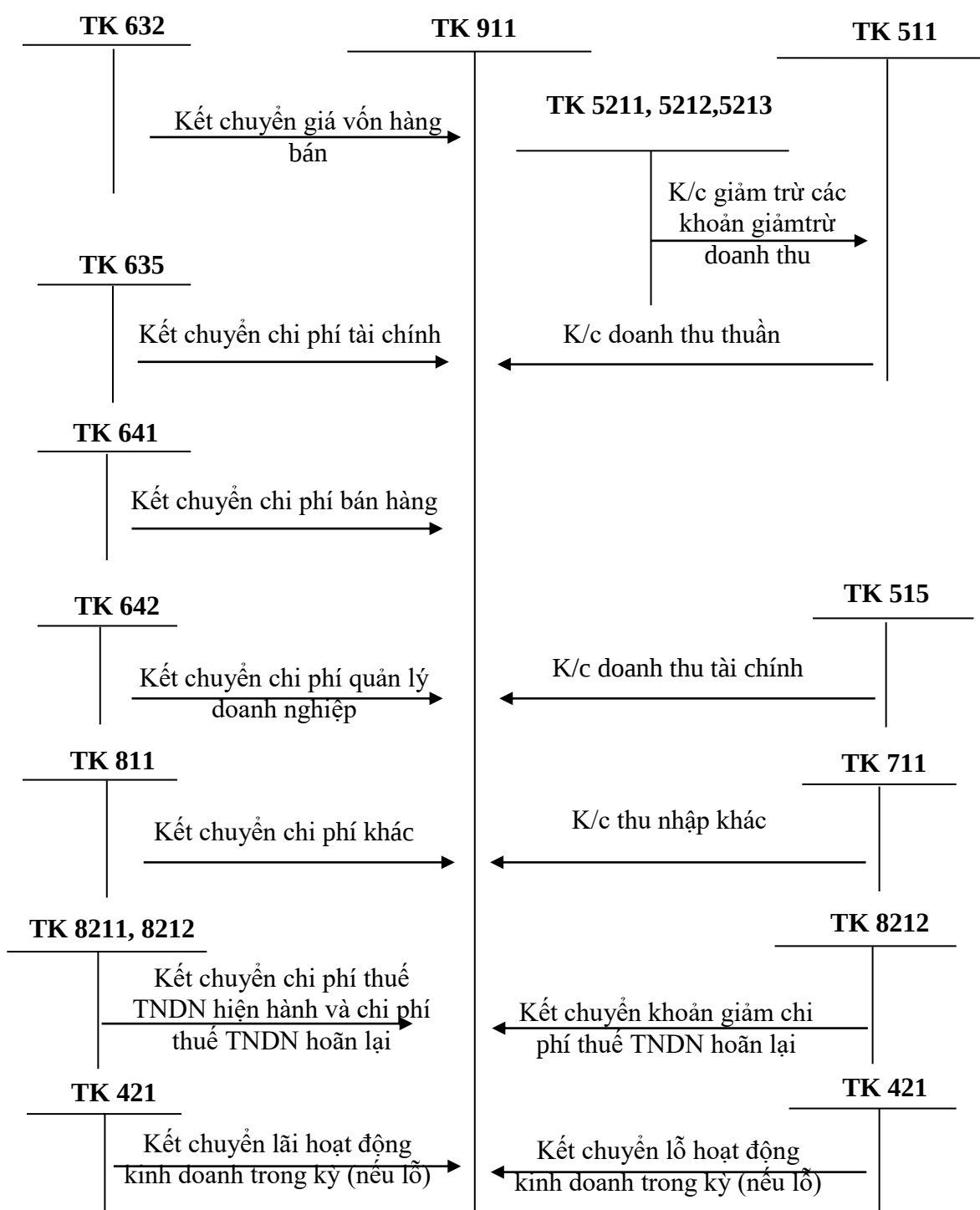
Diễn giải sơ đồ:

+ Hàng quý, kế toán căn cứ vào tờ khai thuế TNDN tạm tính để ghi nhận số thuế TNDN hiện hành tạm phải tính và số tiền đã nộp: (1) và (2)

+ Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu có số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế phải nộp năm đó, kế toán ghi nhận số thuế TNDN phải nộp thêm vào chi phí thuế TNDN hiện hành và nộp bổ sung số thuế vào NSNN: (1) và (2). Trường hợp ngược lại, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành là số chênh lệch giữa số thuế TNDN tạm phải nộp trong năm và số phải nộp (3).

+ Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước liên quan đến khoản thuế TNDN phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng số thuế TNDN phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại (1) và ngược lại giảm (3).

+ Kết thúc năm, kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm vào TK 911 để xác định kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nếu số phát sinh nợ TK 8211 lớn hơn số phát sinh có thì ghi (5) và ngược lại (4). Sơ đồ 1.15.



Sơ đồ 1.15 Kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh

1.3. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

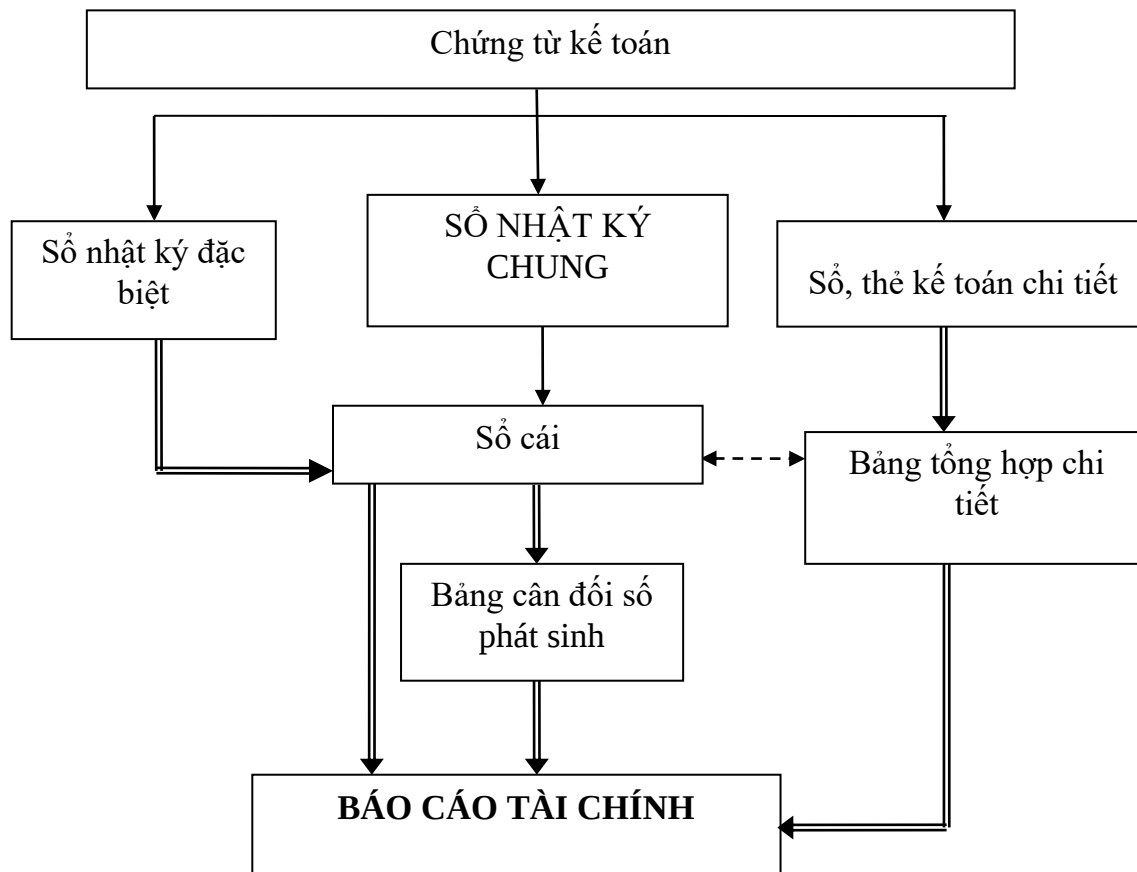
Các doanh nghiệp có thể vận dụng hệ thống sổ sách kế toán được thể hiện qua bốn hình thức kế toán:

- ✓ Hình thức kế toán Nhật ký chung

- ✓ Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- ✓ Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- ✓ Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
- ✓ Hình thức kế toán Kế toán trên máy tính.

➤ **Hình thức kế toán Nhật ký chung**

Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.16:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ =====→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

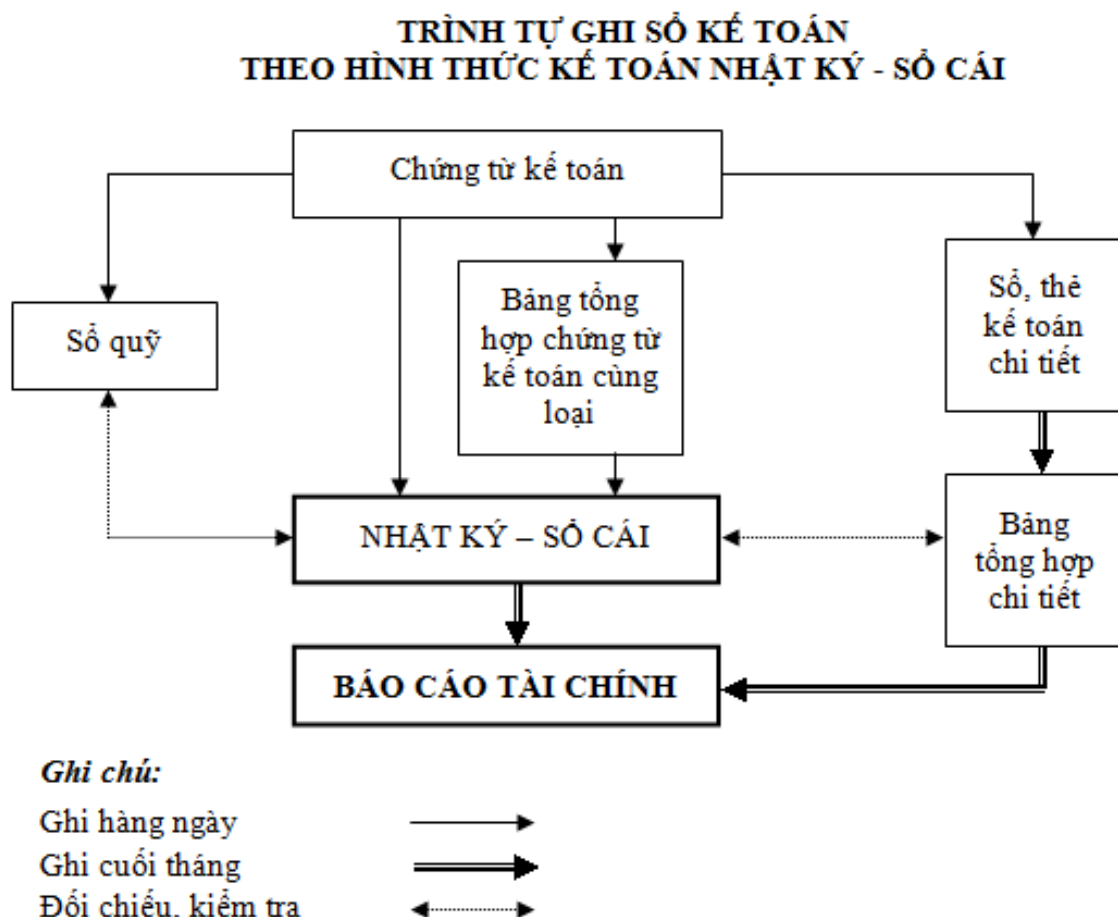
Giải thích:

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ Nhật ký chung thì kế toán ghi các sổ chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

➤ **Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái**

Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.17:



Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ Cái

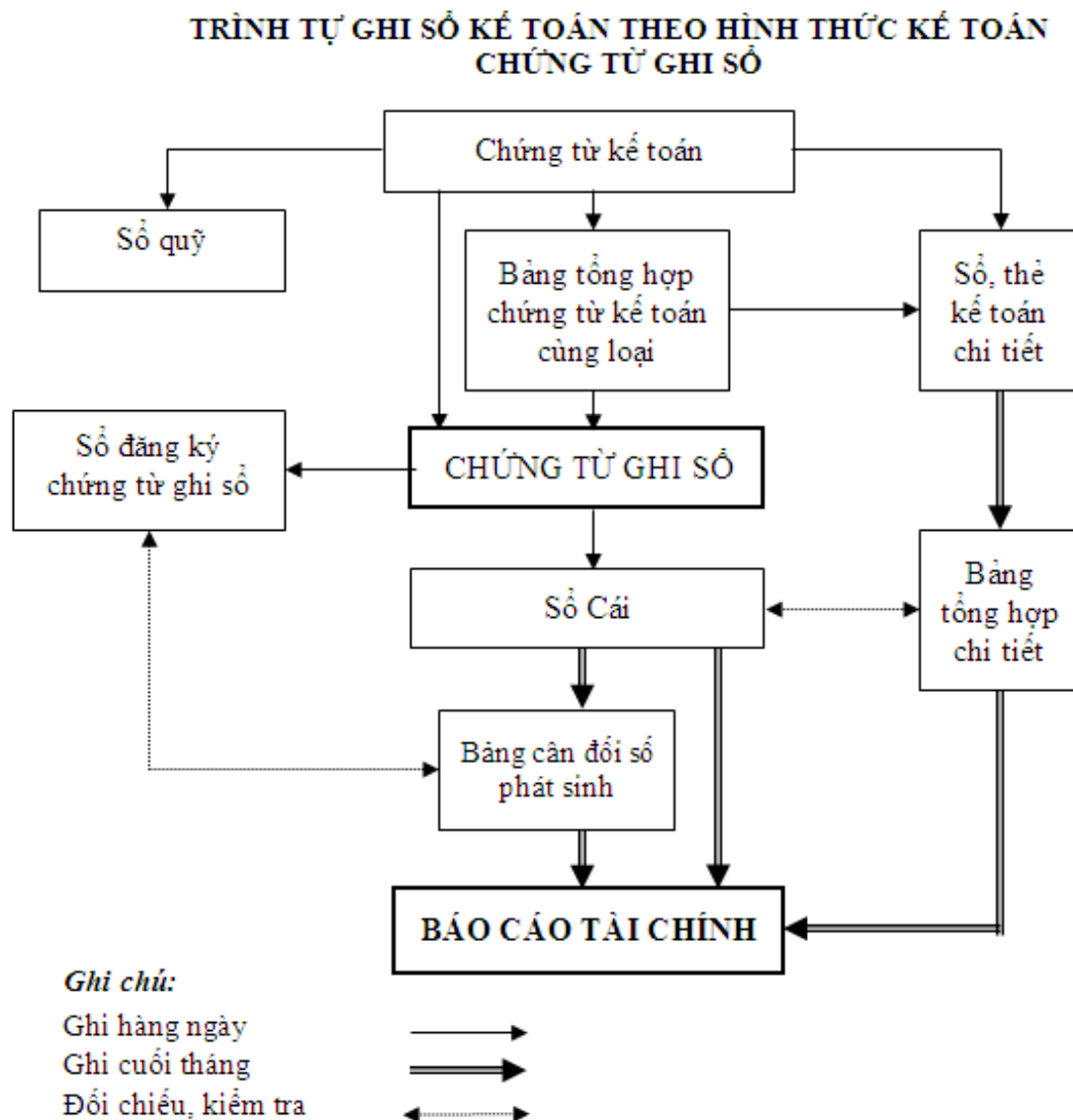
Giải thích:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả hai phần Nhật ký và phần Sổ cái.

- Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu ở cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.

➤ **Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.18:



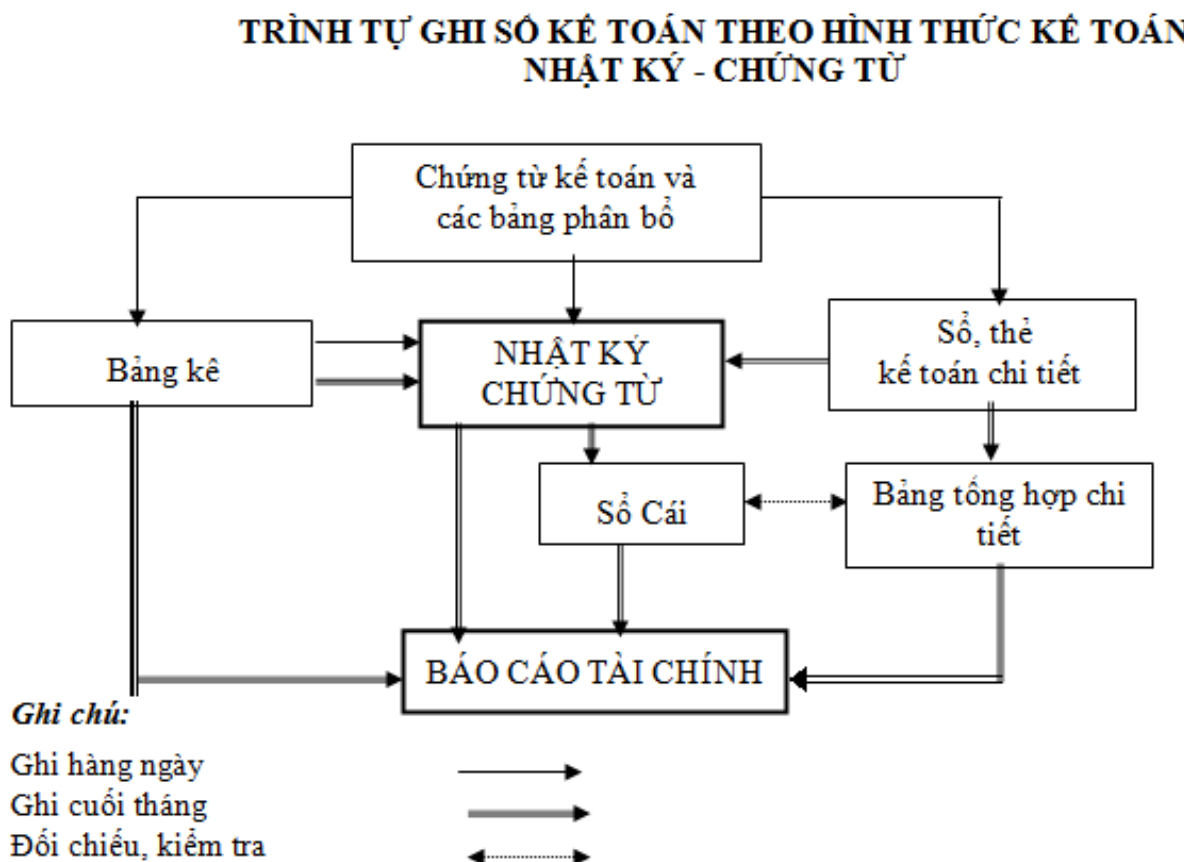
Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Giải thích:

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào các Sổ Cái.
- Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng, căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

➤ **Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ**

Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.19:



Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký Chứng từ

Giải thích:

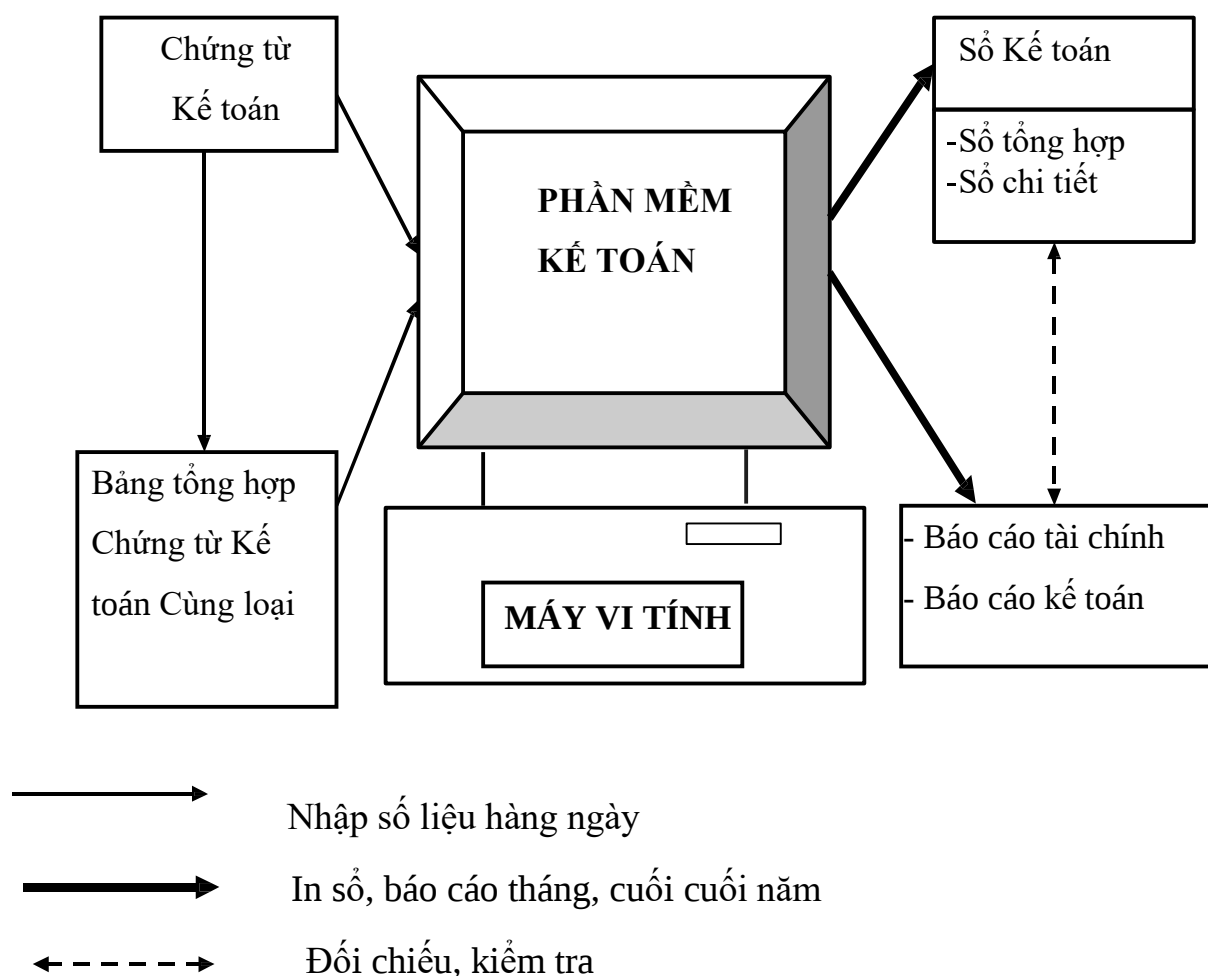
- Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

- Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái. Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng

các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái. Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

➤ **Hình thức kế toán Kế toán trên máy tính**

Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.20:



Sơ đồ 1.20: Hình thức kế toán áp dụng trên máy vi tính

Giải thích sơ đồ:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG – USCO – TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

2.1. Tổng quan về Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng

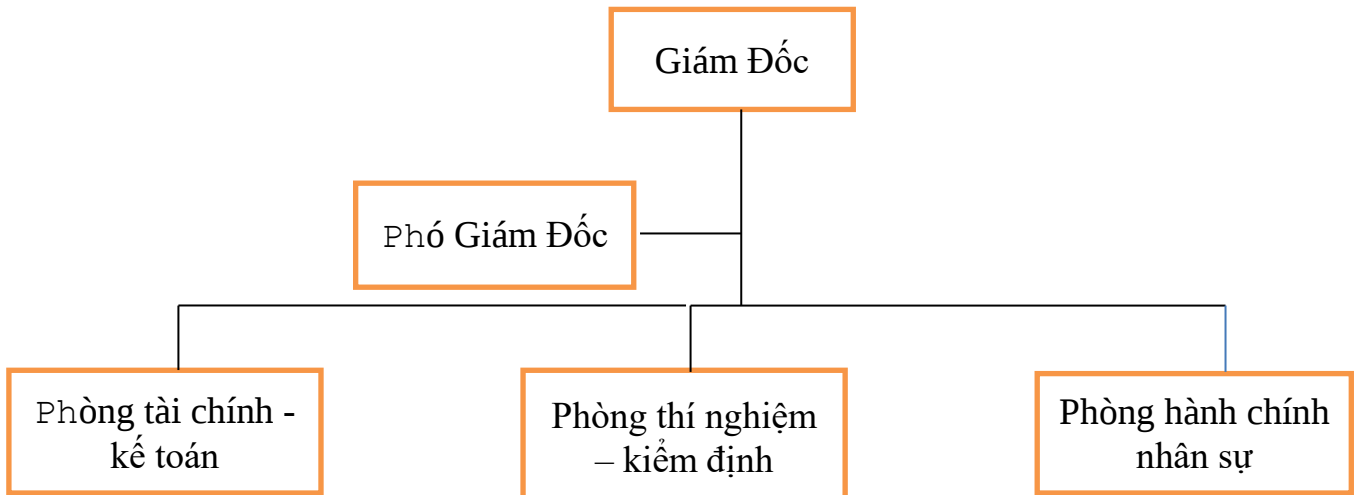
- Tên chi nhánh: Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng
- Tên giao dịch: HAIPHONG CENTER OF TESTING AND CONSTRUCTION SERVEY
- Địa chỉ: Số 2A Phạm Phú Thứ, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
- Giấy phép kinh doanh: 0100107123-008 - ngày cấp: 13/11/1998
- Ngày hoạt động: 10/01/1997
- Điện thoại: 0313842382 - Fax: 0313669971
- Giám đốc: TRẦN XUÂN ĐÀO
- Email: xuandao.usco32@yahoo.com

2.1.1. Chức năng, nhiệm vụ của Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng

- Thí nghiệm kiểm định các chỉ tiêu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng.
- Kiểm tra đánh giá chất lượng các công trình xây dựng.
- Thí nghiệm hiện trường xuyên tĩnh, nán ngang, cắt cánh, nén tải tĩnh.
- Đo đạc thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính.
- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò khoáng sản.

2.1.2. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy tại chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng

Hình thức tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng theo mô hình trực tuyến chức năng. Giám đốc (GD) trực tiếp chỉ đạo mọi hoạt động của công ty thông qua các phòng ban chức năng. Cụ thể mô hình bộ máy tổ chức quản lý công ty như sau (Sơ đồ 2.1):



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của chi nhánh

❖ Giám đốc

- Đại diện chi nhánh chịu trách nhiệm trước Tổng Công Ty về các hoạt động của chi nhánh
- Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ được giao. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch và phát triển sản phẩm dịch vụ phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, nhu cầu của người tiêu dùng.
- Phụ trách các phòng ban, chỉ đạo phương án đổi mới kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Quy định đường lối chính sách đối nội và đối ngoại của chi nhánh.
- Quy định thu chi tài chính, báo cáo tài chính, giá cả dịch vụ trong mọi hoạt động của chi nhánh

❖ Phó Giám Đốc

- Trợ giúp GD về hoạt động các phòng ban, phân công cán bộ thuộc quyền trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn phân công hoặc ủy quyền của GD.
- Được ký hợp đồng dịch vụ, một số hợp đồng kinh tế có sự ủy quyền của GD

❖ Phòng tài chính – kế toán:

- Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, tổ chức hạch toán tài chính, phân tích hoạt động SXKD, làm cơ sở cho GD đưa ra những giải pháp điều hành kịp thời và phù hợp.
- Theo dõi các khoản nợ của chi nhánh, phản ánh và đề xuất các kế hoạch thu chi tiền mặt và các hình thức thanh toán khác.
- Lập các chứng từ thu chi, tạm ứng tiền mặt, chuyển khoản trình Ban GD duyệt.

- Tổ chức quản lý, lưu trữ tài liệu, hồ sơ, chứng từ kế toán... theo quy định Nhà Nước

❖ Phòng thí nghiệm – kiểm định

- Thí nghiệm những mẫu đất, đá theo yêu cầu của khách hàng
- Kiểm định lại kết quả thí nghiệm để đưa ra kết luận cuối cùng cho đối tác
- Lập báo cáo thí nghiệm cho mỗi dự án

❖ Phòng hành chính – nhân sự

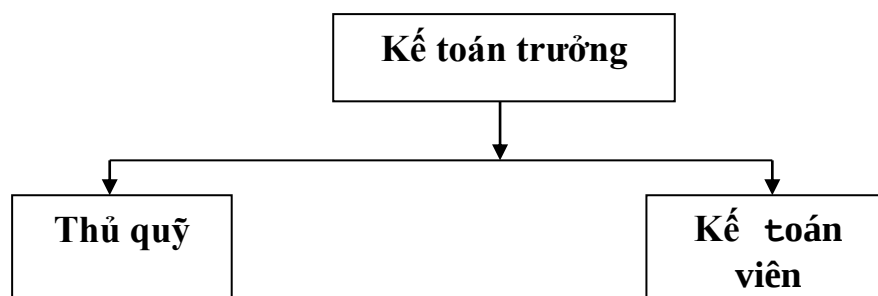
- Thực hiện công tác quản lý lao động, tiền lương, thực hiện chế độ chính sách với người lao động, bảo đảm an ninh và an toàn lao động.

- Giúp lãnh đạo công ty quản lý về nhân sự, đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho công ty.

2.1.3. Đặc điểm công tác kế toán của Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định XD Hải Phòng

2.1.3.1. Đặc điểm bộ máy kế toán của chi nhánh:

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, phù hợp với quy mô của chi nhánh, gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, chi nhánh đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng (Sơ đồ 2.2).



Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Chi nhánh

Theo mô hình trên, chức năng, nhiệm vụ của từng người như sau:

- **Kế toán trưởng:** Chịu trách nhiệm với GD về mọi công việc tại phòng kế toán, lập báo cáo tài chính theo đúng niên độ kế toán, điều hành bộ máy kế toán theo đúng quy định của luật kế toán, phân công và hướng dẫn nhân viên nghiệp vụ, lập chứng từ, tổ chức, ghi sổ kế toán, quy định việc luân chuyển các chứng từ kế toán.

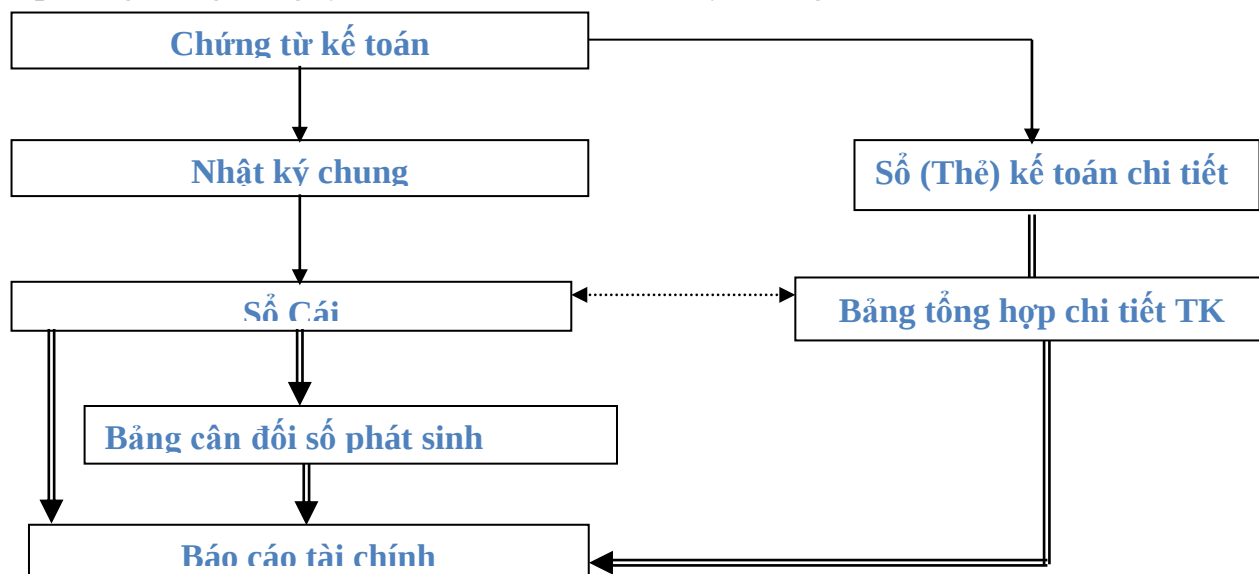
- **Kế toán viên:** Có nhiệm vụ theo dõi các khoản thu chi bằng tiền của doanh nghiệp, khoá sổ kế toán tiền mặt mỗi ngày để có số liệu đối chiếu với thủ quỹ...

- **Thủ quỹ:** Quản lý tiền mặt và theo dõi việc thu chi tại đơn vị

2.1.3.2. Hình thức ghi sổ kế toán và các chính sách kế toán tại chi nhánh

a. Hình thức ghi sổ kế toán tại Chi nhánh

Hình thức ghi sổ kế toán tại Chi nhánh công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng được áp dụng trong công ty là theo hình thức nhật ký chung (Sơ đồ 2.3).



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày ————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ =====→
- Đối chiếu <----->

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Chi nhánh

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau :

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái

➤ Các sổ thẻ kế toán chi tiết

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Sổ Nhật ký chung.

b. Các chính sách kế toán áp dụng tại chi nhánh

- Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ 01/01 đến 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo TT 200/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính
- Hạch toán HTK theo phương thức kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng

2.2.1 Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng

2.2.1.1 Đặc điểm sản phẩm dịch vụ tại Chi nhánh.

- Đặc điểm sản phẩm dịch vụ

Các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu của chi nhánh bao gồm: Tư vấn khảo sát, thiết kế và xây lắp cho các công trình công nghiệp, dân dụng, ...

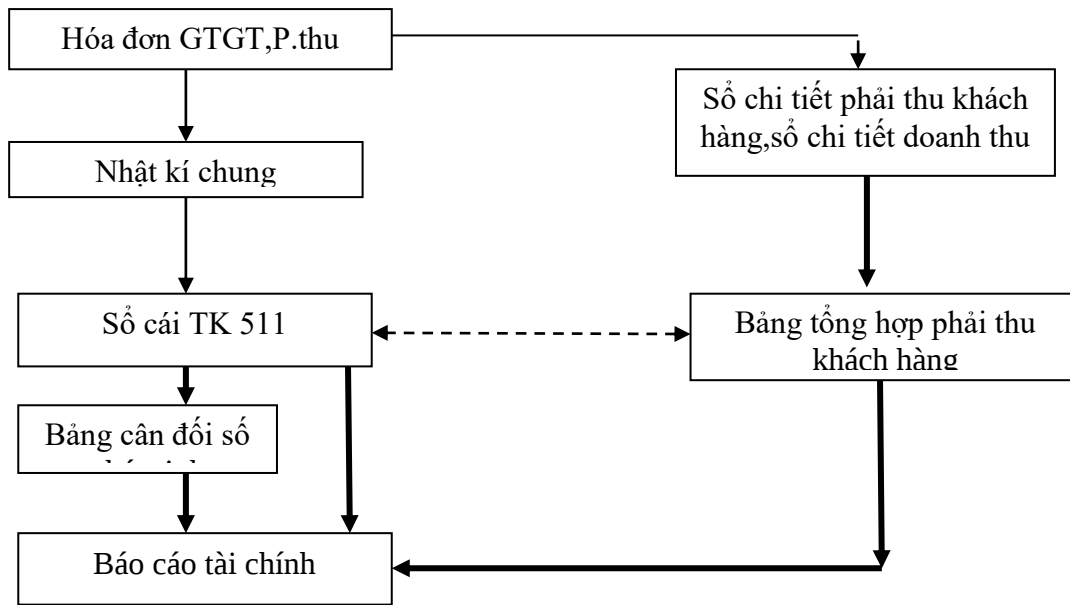
2.2.1.2 Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản giao nhận
- Phiếu thu
- Giấy báo có, Sổ phụ ngân hàng

2.2.1.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.4 Phương pháp kế toán



Ghi chú: Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$
 Ghi cuối kỳ: $\longrightarrow$
 Đối chiếu kiểm tra : $\longleftrightarrow$

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng

VD 2.1: Ngày 04/06/2016 Công ty CP Khảo sát thiết kế xây dựng Đông Á quyết toán thí nghiệm dự án Ready Build Factory 8C. Số tiền là 1.500.000 đ(đã bao gồm VAT 10%)

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 1478 (biểu số 2.1)
- Từ hóa đơn GTGT số 1478 kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.2), đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK511(biểu số 2.3), bảng tổng hợp TK511 (biểu số 2.4), sổ cái TK511

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO
Mã số thuế: 0100107123
Số nhà 91, phố Phùng Hưng, P. Hàng Mã, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ
Ngày 04 tháng 06 năm 2016

Mẫu số: 01G/TKT3/002
Ký hiệu: KS/15P
Số: 0001478

Đơn vị bán hàng:
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Số tài khoản:
Điện thoại:

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Khảo sát Thiết kế Xây dựng Đông Á
Mã số thuế: 0200906183
Địa chỉ: Số 62 An Khê - phường Cát Bi - Quận Hải An - TP. Hải Phòng
Hình thức thanh toán: TMT Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Quyết toán thử nghiệm tính chất cơ lý của các mẫu đất đá Dưa sẵn Ready Build Factory 8C				1.363.636

Công tiền hàng: 1.363.636
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 136.364
Tổng cộng tiền thanh toán: 1.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên): Vũ Ngọc Thanh
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên): Đoàn Đức Tâm

Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên): Trần Xuân Đào
GIÁM ĐỐC

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

M.S.C.N. 0100107123
CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
HẢI PHÒNG
TP. HẢI PHÒNG

In tại Công ty TNHH Tin Cậy Việt - DT: 04 3932 9012 - MST: 0101634477

Biểu số 2.2: Trích sổ Nhật ký chung tháng 06 năm 2016

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO –

Mẫu số S03a-DN

Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố

BTC

Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
						
04/06	HĐ1478	04/06	QT thí nghiệm Ready Build Factory 8C	1312 511 33311	1.500.000	1.363.636 136.364
....						
21/06	PC149	21/06	TT mua quần áo, giày mũ, BHLĐ,..	6278 1111	1.000.000	1.000.000
21/06	PC150	21/06	Nộp quỹ quốc phòng 2016	6428 1111	440.000	440.000
22/06	HĐ1482	22/06	Thanh toán cước chuyển phát nhanh tháng 5/2016	642 133 111	502.244 50.244	552.468
...						
29/06	PC25	29/06	Hạch toán chi phí phạt vi phạm hợp đồng	811 111	7.578.097	7.578.097
29/06	BC0601	29/06	Trả tiền TN T3+T4 và ngoài giờ	1121 1312	404.090.325	404.090.325
....						
30/06	Zkc154	30/06	KC có TK154 sang nợ TK632-Ready build fac8C	632 154	681.194	681.194
30/06	PKT13	30/06	Kết chuyển TK 632	911 632	1.739.979.020	1.739.979.020
30/06	PKT14	30/06	Kết chuyển TK 642	911 642	393.401.831	393.401.831
			Cộng phát sinh		2.268.504.026	2.268.504.026

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.3: Trích sổ chi tiết TK 511

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đối tượng: Công ty CP KSTKXD Đông Á

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
NT	SH			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ					
04/06	HĐ1478	Công ty CP KSTKXD Đông Á -Doanh thu QT thí nghiệm Ready Build Factory 8C	1312		1.363.630		1.500.000
.....							
23/06	HĐ1843	Công ty CP KSTKXD Đông Á- Doanh thu thí nghiệm mẫu đá	1312		518.182		2.120.000
.....			...				
26/06	HĐ1846	Công ty CP KSTKXD Đông Á- Doanh thu thí nghiệm mẫu đất	1312		809.091		3.894.636
.....			...				
		- Cộng số phát sinh		4.500.000	4.500.000		
		- Số dư cuối kỳ					

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.4: Trích bảng tổng hợp doanh thu bán hàng

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

Đơn vị : đồng

STT	Tên khách hàng	Doanh thu bán hàng	Thuế trong doanh thu	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
1	Công ty CP Khảo sát Thiết kế XD Đông Á	4.500.000	450.000	4.500.000	2.043.000	2.457.000
2	Công ty CP đầu tư xây lắp điện Hải Dương	3.520.000	320.000	3.520.000	799.123	2.720.877
3	Công ty Sumitomo Mitsui Construction Co.Ltd	404.090.325	36.735.484	404.090.325	315.152.121	88.938.204
4	Công ty CP đầu tư xây dựng Long Dương	45.369.720	4.124.520	45.369.720	30.124.222	15.245.498
..						...
	Cộng	2.268.161.486	226.816.149	2.268.161.486	1.739.979.020	528.182.466

Người lập biểu
(Ký, và họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.5: Trích sổ cái TK 511

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tháng 6/2016

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Nợ	Có
Ngày, tháng	Số hiệu				
		Số dư đầu kỳ			1.438.970.281
04/06	HD1478	Công ty CP KSTKXD Đông Á - QT thí nghiệm Ready Build Factory 8C	1312		1.363.636
.....					
30/06	zKC5111	Kết chuyển Nợ TK 5111 sang Có TK 911 – Dự án Cầu Tân Vũ	911	1.292.890.121	
.....			...		
30/06	zKC5111	Nén mẫu bê tông	911	2.710.000	
		Cộng số phát sinh		2.268.161.486	2.268.161.486
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định XD Hải Phòng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ khi làm kết toán sau 6 tháng sẽ kết chuyển từ TK154 về TK 632.

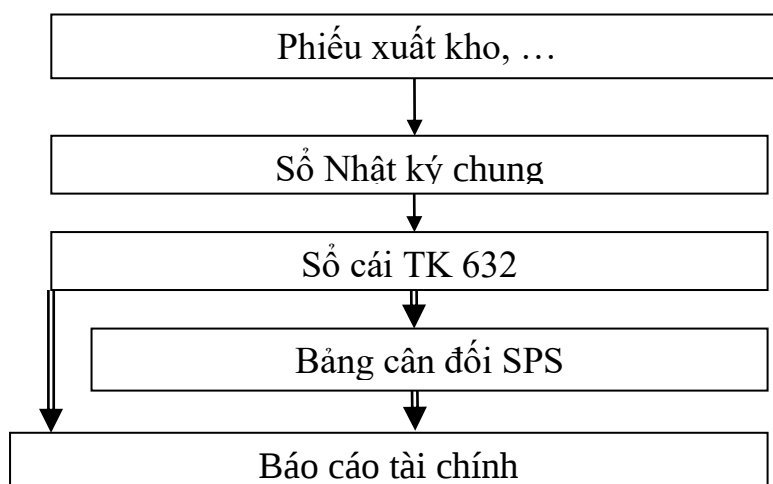
2.2.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán.

2.2.2.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối kỳ: ⇒

Quan hệ đối chiếu: ⇔

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Chi nhánh

VD 2.2. Ngày 04/06/2016 Quyết toán thí nghiệm Ready Build Factory 8C. Tổng trị giá là 1.500.000 đ (đã bao gồm VAT 10%), Trị giá chưa VAT = 1.363.636 đ, VAT = 136.364 đ)

- Căn cứ vào các chứng từ kế toán (biểu số 2.6), Bảng kê phát sinh Nợ TK 154 (biểu số 2.7), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.8), đồng thời kế toán vào sổ cái TK 632 (biểu số 2.9).

Biểu số 2.6: Chứng từ kế toán

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng
Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Quyển số:
Số: zKC154
Nợ: 632
Có: 154

Đối tượng:

Địa chỉ:

Nội dung: Kết chuyển có TK 154 sang nợ TK632

Số tiền: 1.739.979.020 đ

Viết bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm ba mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm hai mươi đồng

Kèm theo: Chứng từ gốc

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Bảng kê phát sinh Nợ TK 154

BẢNG KÊ PHÁT SINH NỢ TK 154
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Phát sinh nợ tháng 1/2016	289.452.125	
2	Phát sinh nợ tháng 2/2016	288.124.245	
3	Phát sinh nợ tháng 3/2016	260.920.821	
4	Phát sinh nợ tháng 4/2016	294.612.098	
5	Phát sinh nợ tháng 5/2016	292.543.892	
6	Phát sinh nợ tháng 6/2016	314.325.839	
	Cộng	1.739.979.020	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, và họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.8: Trích sổ Nhật ký chung tháng 06 năm 2016

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO –

Mẫu số S03a-DN

Trung tâmThí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố

BTC

Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
						
04/06	HĐ1478	04/06	QT thí nghiệm Ready Build Factory 8C	1312 511 33311	1.500.000	1.363.636 136.364
.....						
21/06	PC149	21/06	TT mua quần áo, giày mũ, BHLĐ,..	6278 1111	1.000.000	1.000.000
21/06	PC150	21/06	Nộp quỹ quốc phòng 2016	6428 1111	440.000	440.000
22/06	HĐ1482	22/06	Thanh toán cước chuyển phát nhanh tháng 5/2016	642 133 111	502.244 50.244	552.468
...						
29/06	PC25	29/06	Hạch toán chi phí phạt vi phạm hợp đồng	811 111	7.578.097	7.578.097
29/06	BC0601	29/06	Trả tiền TN T3+T4 và ngoài giờ	1121 1312	404.090.325	404.090.325
....						
30/06	Zkc154	30/06	KC có TK154 sang nợ TK632-Ready build fac8C	632 154	681.194	681.194
30/06	PKT13	30/06	Kết chuyển TK 632	911 632	1.739.979.020	1.739.979.020
30/06	PKT14	30/06	Kết chuyển TK 642	911 642	393.401.831	393.401.831
			Cộng phát sinh		2.268.504.026	2.268.504.026

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.9: Trích sổ cái TK 632

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và
Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và
Kiểm định Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận
Hong Bang, thành phố Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Nợ	Có
Ngày, tháng	Số hiệu				
A	B	C	D	1	2
		Số dư đầu kỳ			
30/06/2016	zKC154	Kết chuyển Có 154 sang Nợ 632 – Ready build factory 8C	154	681.194	
30/06/2016	zKC632	công trình Ready Build Factory 8C	911		681.194
		Cộng phát sinh		1.739.979.020	1.739.979.020
Số dư cuối kỳ					

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung
tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)*

2.2.3 Thực trạng kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng

2.2.3.1 Thực trạng kế toán chi phí bán hàng

Tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng, chi nhánh công ty không có các khoản phát sinh chi phí bán hàng do hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

2.2.3.2 Thực trạng kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

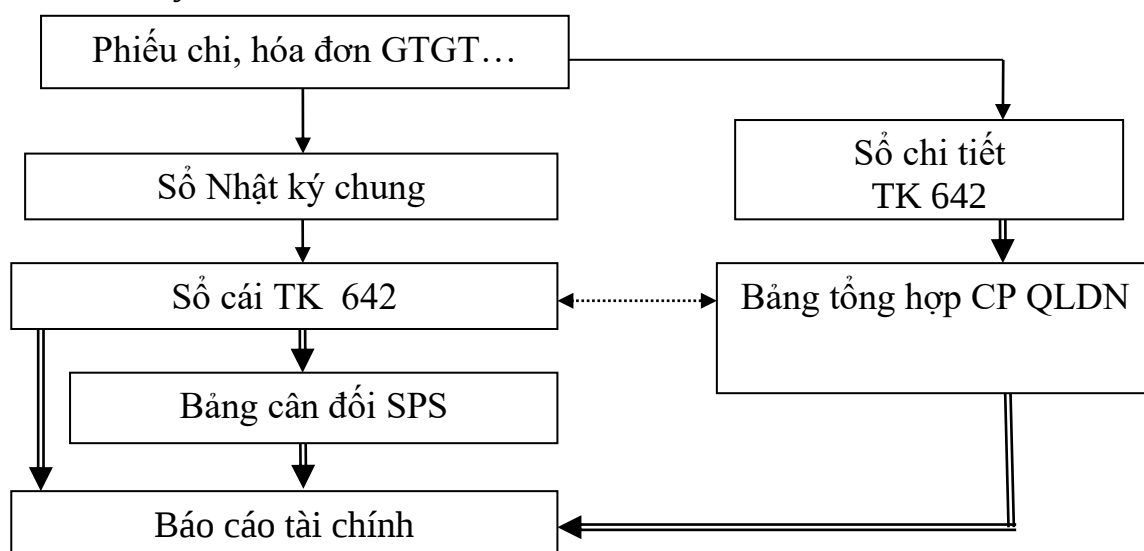
2.2.3.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu Chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.3.2.2 Tài khoản sử dụng

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.2.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối kỳ: →

Quan hệ đối chiếu: ↔

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán CPBH và CPQLDN tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng

VD 2.3: Ngày 22/06/2016 thanh toán cước chuyển phát nhanh cho công ty cổ phần CTLINK với số tiền 552.468 VNĐ (đã bao gồm 10% thuế VAT. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 1482 (biểu số 2.10), và phiếu chi số 15 (biểu số 2.11), kế

toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.12), từ đó kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.13).

Cuối kỳ, căn cứ vào các sổ cái tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Mẫu số: 01GTKT3/001	
Liên 2: Giao khách hàng				Ký hiệu: GT/13P	
Ngày 22 tháng 06 năm 2016				Số: 0001482	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CTLINK					
Mã số thuế: 0105619301					
Địa chỉ: Khối trung lập, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội					
Điện thoại: 04 62535659					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM..... Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Cước CPN từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/05/2016				502.244
Cộng tiền hàng					502.244
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			50.244
Tổng cộng tiền thanh toán					552.468
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.11: Phiếu chi

Công ty CP Khảo sát và Xây dựng –
USCO – Trung tâm Thí nghiệm và
Kiểm định xây dựng Hải Phòng

Mẫu số: 02 - TT

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-
BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 22 tháng 06 năm 2016

Quyển số:

Số: PC15

Nợ: 642, 133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Đức

Địa chỉ: Khối Độc Lập, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Thành Phố Hà Nội

Lý do nộp: Thanh toán cước CPN từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/05/2016

Số tiền: 552.468 đồng.....(Viết bằng chữ): Năm trăm lăm mươi hai
ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng.

Kèm theo:01.....Chứng từ gốc.

Ngày 22 tháng 6 năm 2016

Giám đốc

(Ký, đóng
dấu, ghi rõ
họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ
tên)

Thủ quỹ

(Ký, ghi rõ họ
tên)

Người lập

phiếu
(Ký, ghi rõ họ
tên)

Người nhận

tiền
(Ký, ghi rõ họ
tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung
tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.12: Trích sổ Nhật ký chung tháng 06 năm 2016

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO –

Mẫu số S03a-DN

Trung tâmThí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố

BTC

Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
						
04/06	HĐ1478	04/06	QT thí nghiệm Ready Build Factory 8C	1312 511 33311	1.500.000	1.363.636 136.364
....						
21/06	PC149	21/06	TT mua quần áo, giày mũ, BHLĐ,..	6278 1111	1.000.000	1.000.000
21/06	PC150	21/06	Nộp quỹ quốc phòng 2016	6428 1111	440.000	440.000
22/06	HĐ1482	22/06	Thanh toán cước chuyển phát nhanh tháng 5/2016	642 133 111	502.244 50.244	552.468
...						
29/06	PC25	29/06	Hạch toán chi phí phạt vi phạm hợp đồng	811 111	7.578.097	7.578.097
29/06	BC0601	29/06	Trả tiền TN T3+T4 và ngoài giờ	1121 1312	404.090.325	404.090.325
....						
30/06	Zkc154	30/06	KC có TK154 sang nợ TK632-Ready build fac8C	632 154	681.194	681.194
30/06	PKT13	30/06	Kết chuyển TK 632	911 632	1.739.979.020	1.739.979.020
30/06	PKT14	30/06	Kết chuyển TK 642	911 642	393.401.831	393.401.831
			Cộng phát sinh		2.268.504.026	2.268.504.026

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.13: Trích sổ cái TK 642

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
B	C	D	H	1	2
.....					
PC09	06/06	Thanh toán chi phí xăng xe	111	1.214.545	
.....					
PC21	23/06	Thanh toán tiền điện thoại tháng 5/2016		545.926	
.....					
PC15	22/06	Thanh toán cước chuyển phát nhanh tháng 5/2016	111	502.244	
		- Cộng số phát sinh		393.401.831	393.401.831
		- Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng.

2.2.4.1 Thực trạng kế toán chi phí tài chính

Tại chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng – USCO – trung tâm thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng không phát sinh các khoản chi phí tài chính.

2.2.4.2 Thực trạng kế toán doanh thu tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản phản ánh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Tại chi nhánh Công ty CP khảo sát và xây dựng – USCO – trung tâm thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng thì doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản doanh thu tiền lãi ngân hàng định kỳ hàng tháng.

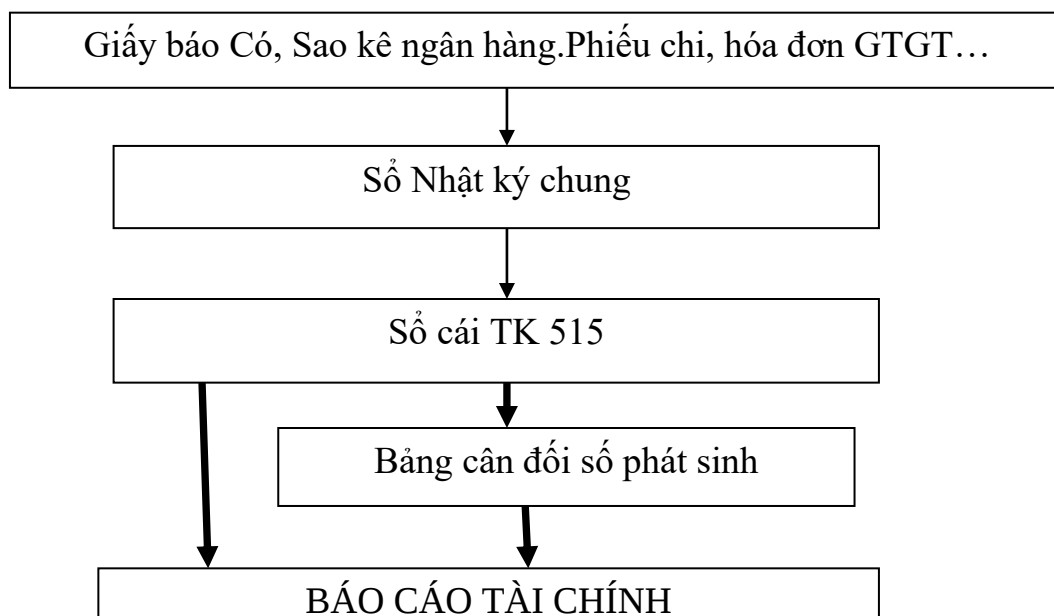
2.2.4.2.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.2.2 Tài khoản sử dụng

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.4.2.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối kỳ: →

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu, phiếu chi... kế toán tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán để vào Sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết tài khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Ví Dụ 2.4: Ngày 25/06/2016 Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển VN gửi giấy báo có thông báo về việc nhận lãi tiền gửi với số tiền: 45.089 VNĐ.

Căn cứ vào giấy báo có số 121 ngày 25/06/2016 (biểu số 2.14) ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển VN về việc nhận lãi tiền gửi và các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.15). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 515 (biểu số 2.16), TK 112. Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái TK 515 để lập bảng cân đối số phát sinh và Bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.14 : Giấy báo có

		Số: 121
Ngân hàng TMCP đầu tư và	GIẤY BÁO CÓ	Mã GDV: PHUCDTQTO
phát triển Việt Nam	Ngày: 25/06/2016	Mã KH: 594256
Chi nhánh: BIDV Hải		Số GD: 1211121
Phòng- Đông Đô		
Kính gửi: Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng		
Mã số thuế: 0100107123-008		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi CÓ: 1251-0000-496-671		
Số tiền bằng số: 45.089		
Số tiền bằng chữ: <i>Bốn mươi lăm nghìn không trăm tám mươi chín đồng./</i>		
Nội dung: ##Lãi tiền gửi nhập gốc##		
Giao dịch viên		Kiểm soát

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.15: Trích sổ Nhật ký chung tháng 06 năm 2016

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO –

Mẫu số S03a-DN

Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố

BTC

Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
						
04/06	HĐ1478	04/06	QT thí nghiệm Ready Build Factory 8C	1312 511 33311	1.500.000	1.363.636 136.364
....						
21/06	PC149	21/06	TT mua quần áo, giày mũ, BHLĐ,..	6278 1111	1.000.000	1.000.000
21/06	PC150	21/06	Nộp quỹ quốc phòng 2016	6428 1111	440.000	440.000
...						
25/06	BIDV121	25/06	Lãi tiền gửi ngân hàng BIDV	112 515	45.089	45.089
...						
29/06	PC25	29/06	Hạch toán chi phí phạt vi phạm hợp đồng	811 111	7.578.097	7.578.097
29/06	BC0601	29/06	Trả tiền TN T3+T4 và ngoài giờ	1121 1312	404.090.325	404.090.325
....						
30/06	Zkc154	30/06	KC có TK154 sang nợ TK632-Ready build fac8C	632 154	681.194	681.194
30/06	PKT13	30/06	Kết chuyển TK 632	911 632	1.739.979.020	1.739.979.020
30/06	PKT14	30/06	Kết chuyển TK 642	911 642	393.401.831	393.401.831
			Cộng phát sinh		2.268.504.026	2.268.504.026

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.16 : Trích sổ cái TK 515

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng
– USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải
Phòng

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài
chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tài khoản: 515 – Doanh thu tài chính

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
B	C	D	H	1	2
.....					
25/06/2016	BIDV121	Lãi tiền gửi ngân hàng BIDV	112		45.089
.....					
26/06/2016	EXIM0302	Lãi tiền gửi ngân hàng Eximbank	112		5.797
.....					
		- Cộng số phát sinh		342.540	342.540
		- Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung
tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng

2.2.5.1. Thực trạng kế toán chi phí khác

Tại chi nhánh Công ty CP khảo sát và xây dựng – USCO – trung tâm thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng không phát sinh các khoản thu nhập khác.

2.2.5.2 Thực trạng kế toán thu nhập khác

Tại chi nhánh Công ty CP khảo sát và xây dựng – USCO – trung tâm thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng trong năm 2016 chỉ phát sinh một khoản chi phí khác là khoản bị phạt do vi phạm hợp đồng.

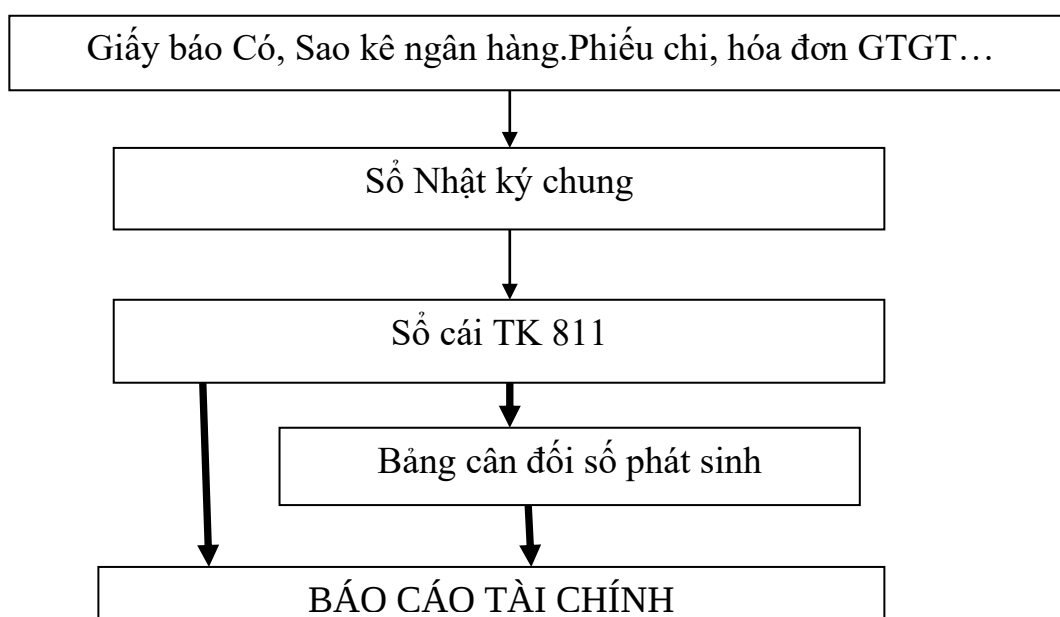
2.2.5.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.5.3. Tài khoản sử dụng

- TK 811 – Chi phí khác

2.2.5.4. Phương pháp kế toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối kỳ: →

Sơ đồ 2.8: Phương pháp kế toán chi phí khác tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng

Ví Dụ 2.5: Ngày 29/06/2016 hạch toán chi phí phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền 5.578.097 đ, kế toán căn cứ vào phiếu chi (biểu số 2.17) để vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.18). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK811 (biểu số 2.19).

Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái các tài khoản để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh để lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.17 : Phiếu chi

Công ty CP Khảo sát và Xây

Mẫu số: 02 - TT

dựng – USCO – Trung tâm Thí

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

nghiệm và Kiểm định xây dựng

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng

PHIẾU CHI

Quyển số:

Ngày 29 tháng 06 năm 2016

Số: PC25

Nợ: 811

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Lưu Đức Quang

Địa chỉ:

Lý do nộp: Thanh toán chi phí phạt do vi phạm hợp đồng.

Số tiền: 5.578.097 đồng.....(Viết bằng chữ): Bảy triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn không trăm chín mươi bảy đồng./

Kèm theo:01.....Chứng từ gốc.

Ngày 29 tháng 06 năm 2016

Giám đốc**Kế toán trưởng****Thủ quỹ****Người lập****Người nhận**

(Ký, đóng

(Ký, ghi rõ họ

(Ký, ghi rõ họ

phiếu**tiền**

dấu, ghi rõ

tên)

tên)

(Ký, ghi rõ họ

(Ký, ghi rõ họ

họ tên)

tên)

tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.18: Biên bản phạt do vi phạm hợp đồng

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG HUY HOÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 012/QĐ-XPVPHĐ

Hải Phòng, ngày 29 tháng 06 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hợp đồng theo thủ tục xử phạt không lập biên bản

Căn cứ Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ vào thông báo xử phạt vi phạm hợp đồng số 011/TTXPVPHĐ ngày 27/09/2016;

Tôi: Nguyễn Huy Hoàng Chức vụ: Giám đốc

Đơn vị: Công ty CP đầu tư xây dựng Huy Hoàng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hợp đồng theo thủ tục xử phạt không lập biên bản đối với:

Đơn vị: Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động: Thí nghiệm kiểm định các chỉ tiêu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng.

Địa chỉ: Số 2A Phạm Phú Thứ, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số: 0100107123-008

Cấp ngày: 13/11/1998 Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng

Đã thực hiện hành vi vi phạm hợp đồng số 02/2016/USCO-HH theo điều 6 quy định tại hợp đồng số 02/2016/USCO-HH.

Điều 2. Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng:

1. Hình thức xử phạt chính: Phạt hành chính

Mức phạt: **5.578.097 đồng** (Viết bằng chữ: **Năm triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn không trăm chín mươi bảy đồng./**)

Sinh viên: Nguyễn Thị Bích Hậu – QT1807K

2. Hình thức xử phạt bổ sung: không

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: không

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Quyết định này được:

1. Giao cho đơn vị: Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng để chấp hành Quyết định xử phạt.

Đơn vị bị xử phạt bằng tiền, Công ty nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt; trường hợp không nộp tiền phạt tại chỗ thì nộp tại Ngân hàng thương mại: trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao Quyết định này.

Thời hạn thi hành hình thức xử phạt bổ sung là 10 ngày; thời hạn thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả là 5 ngày, kể từ ngày được giao Quyết định này.

Nếu quá thời hạn trên mà không chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành.

Tổ chức có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Phòng Tài chính kế toán để thu số tiền phạt.

3. Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng nhận và thực hiện Quyết định này.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ tên)

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu: Hồ sơ.

Biểu số 2.19: Trích sổ Nhật ký chung tháng 06 năm 2016

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO –

Mẫu số S03a-DN

Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố

BTC

Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
						
04/06	HĐ1478	04/06	QT thí nghiệm Ready Build Factory 8C	1312 511 33311	1.500.000	1.363.636 136.364
....						
21/06	PC149	21/06	TT mua quần áo, giày mũ, BHLĐ,..	6278 1111	1.000.000	1.000.000
21/06	PC150	21/06	Nộp quỹ quốc phòng 2016	6428 1111	440.000	440.000
...						
25/06	BIDV121	25/06	Lãi tiền gửi ngân hàng BIDV	112 515	45.089	45.089
...						
29/06	PC25	29/06	Hạch toán chi phí phạt vi phạm hợp đồng	811 111	5.578.097	7.578.097
29/06	BC0601	29/06	Trả tiền TN T3+T4 và ngoài giờ	1121 1312	404.090.325	404.090.325
....						
30/06	Zkc154	30/06	KC có TK154 sang nợ TK632-Ready build fac8C	632 154	681.194	681.194
30/06	PKT13	30/06	Kết chuyển TK 632	911 632	1.739.979.020	1.739.979.020
30/06	PKT14	30/06	Kết chuyển TK 642	911 642	393.401.831	393.401.831
			Cộng phát sinh		2.268.504.026	2.268.504.026

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.20 : Sổ cái TK 811

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và
Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và
Kiểm định Hải Phòng

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận
Hong Bang, thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tài khoản: 811 – Chi phí khác

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
B	C	D	H	1	2
.....					
PC25	29/06	Hạch toán chi phí phạt vì vi phạm hợp đồng	111	5.578.097	
.....				...	
		- Cộng số phát sinh		7.134.855	7.134.855
		- Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung
tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

2.2.6. Thực trạng kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng

2.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán.

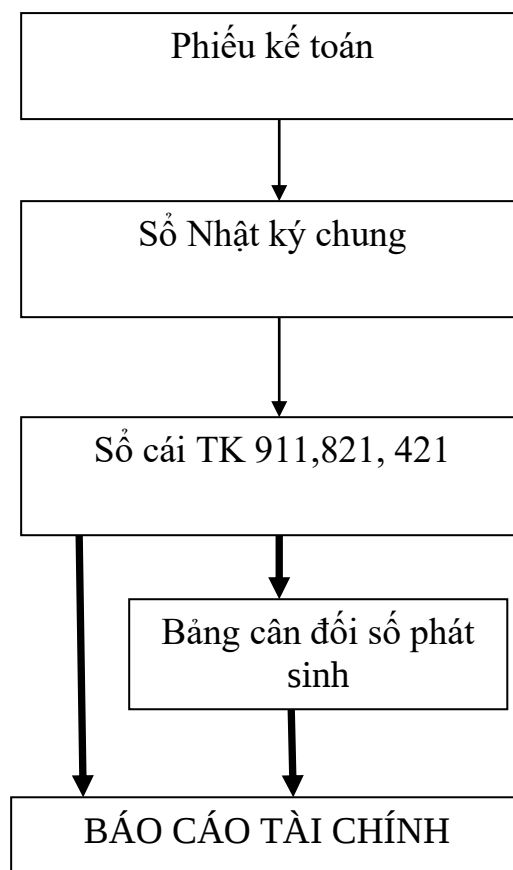
2.2.6.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 821-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối

2.2.6.3 Phương pháp kế toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối quý: →

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 911,821

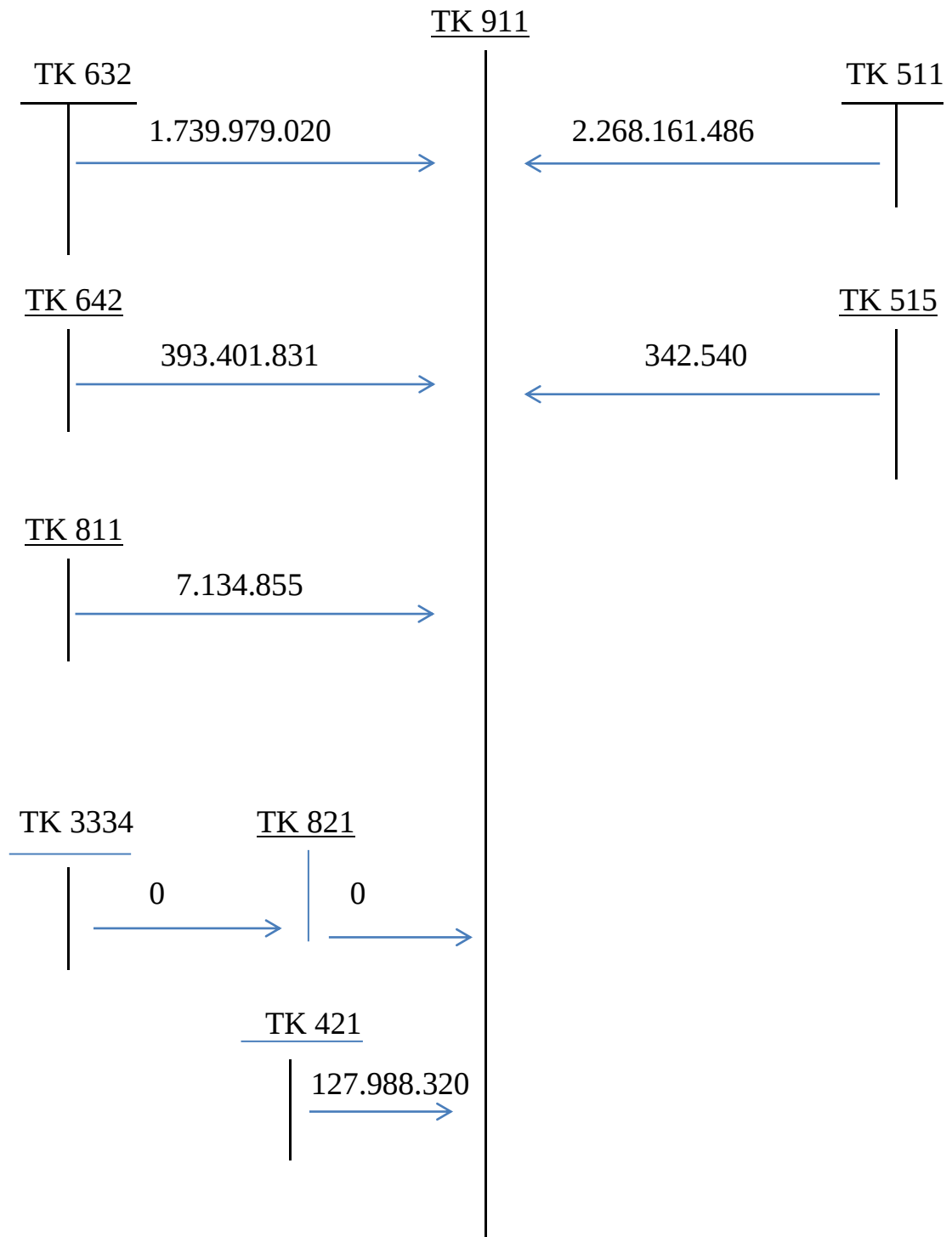
-Cuối kỳ kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số thuế TNDN phải nộp. Kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản có liên quan.

Ví dụ 2.6: Cuối kỳ kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán vào các sổ sách liên quan. Tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

Biểu 2.21: Bảng kê kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016

Bảng kê kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâmThí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

STT	Chi tiêu	Số tiền
1	Doanh thu thuần từ bán hàng và CCDV	2.268.161.486 đ
2	Doanh thu hoạt động tài chính	342.540 đ
3	Giá vốn bán hàng	1.739.979.020 đ
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	393.401.831 đ
5	Chi phí khác	7.134.855 đ
6	Lợi nhuận trước thuế TNDN	127.988.320 đ
7	Chi phí thuế TNDN	0 đ
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	127.988.320 đ



Sơ đồ 2.10. Sơ đồ chữ T xác định kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

Biểu số 2.22: Phiếu kế toán số 11**Đơn vị:** Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng**Địa chỉ:** Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Số PKT: 11

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c DTT 6 tháng đầu năm 2016	511	911	2.268.161.486
	Cộng			2.268.161.486

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 12**Đơn vị:** Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng**Địa chỉ:** Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Số PKT: 12

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c DTHĐTC 6 tháng đầu năm 2016	515	911	342.540
	Cộng			342.540

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO –
Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 13**Đơn vị:** Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng**Địa chỉ:** Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Số PKT: 13

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c GVHB 6 tháng đầu năm 2016	911	632	1.739.979.020
	Cộng			1.739.979.020

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 14**Đơn vị:** Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng**Địa chỉ:** Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Số PKT: 14

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c CPQLDN 6 tháng đầu năm 2016	911	642	393.401.831
	Cộng			393.401.831

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 15**Đơn vị:** Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng**Địa chỉ:** Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Số PKT: 15

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c CPK 6 tháng đầu năm 2016	911	811	7.134.855
	Cộng			7.134.855

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 16**Đơn vị:** Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng**Địa chỉ:** Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Số PKT: 16

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c CP thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2016	911	821	0
	Cộng			0

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 17

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Số PKT: 17

Đơn vị tính : đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2016	911	421	127.988.320
	Cộng			127.988.320

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.29: Trích sổ Nhật ký chung tháng 06 năm 2016

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO –

Mẫu số S03a-DN

Trung tâmThí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố

BTC

Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
						
04/06	HĐ1478	04/06	QT thí nghiệm Ready Build Factory 8C	1312 511 33311	1.500.000	1.363.636 136.364
....						
21/06	PC149	21/06	TT mua quần áo, giày mũ, BHLĐ,..	6278 1111	1.000.000	1.000.000
...						
25/06	BIDV121	25/06	Lãi tiền gửi ngân hàng BIDV	112 515	45.089	45.089
...						
30/06	PKT11	30/06	Kết chuyển TK 511	911 511	2.268.161.486	2.268.161.486
30/06	PKT12	30/06	Kết chuyển TK 515	911 515	342.540	342.540
30/06	PKT13	30/06	Kết chuyển TK 632	911 632	1.739.979.020	1.739.979.020
30/06	PKT14	30/06	Kết chuyển TK 642	911 642	393.401.831	393.401.831
30/06	PK15	30/06	Kết chuyển TK 811	911 811	7.134.855	7.134.855
30/06	PK16	30/06	Kết chuyển TK 821	911 821	0	0
30/06	PK17	30/06	Kết chuyển lãi	911 421	127.988.320	127.988.320
			Cộng phát sinh		2.268.504.026	2.268.504.026

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.30: Trích sổ cái TK 911

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Hải Phòng

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
B	C	D	H	1	2
PKT11	30/06/2016	KC TK 511	511		2.268.161.486
PKT12	30/06/2016	KC TK 515	515		342.540
PKT13	30/06/2016	KC TK 632	632	1.739.979.020	
PKT14	30/06/2016	KC TK 642	642	393.401.831	
PKT15	30/06/2016	KC TK 811	811	7.134.855	
PKT16	30/06/2016	KC thuế TNDN	821	0	
PKT17	30/06/2016	KC lãi	421	127.988.320	
		Cộng số phát sinh		2.268.504.026	2.268.504.026
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.31: Trích sổ cái TK 421

Đơn vị: Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và
Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm
và Kiểm định Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC

Địa chỉ: Số 2A, phố Phạm Phú Thứ, quận
Hong Bang, thành phố Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tài khoản: 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
B	C	D	H	1	2
PKT17	30/06	Kết chuyển lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2016	911		127.988.320
		- Cộng số phát sinh		127.988.320	127.988.320
		- Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán của Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO –
Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng)

Biểu số 2.32: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng**Bộ Tài chính**6 tháng đầu năm 2016**Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.268.161.486	5.603.374.853
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.268.161.486	5.603.374.853
4. Giá vốn hàng bán	11		1.739.979.020	4.432.615.257
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		528.182.466	1.170.759.596
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		342.540	874.736
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	24		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		393.401.831	991.884.303
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24-25)	30		135.123.175	179.750.029
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		7.134.855	73.000.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-7.134.855	-73.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		127.988.320	106.750.029
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		0	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	52		127.988.320	106.750.029
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70			
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

*Lập, ngày 15 tháng 7 năm 2016***Người lập biểu***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG – USCO – TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng.

Trong cơ chế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải lập ra được một kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của công ty. Muốn được như vậy trước hết công ty phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện nay vì kế toán là bộ máy kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, ghi chép tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng những phương pháp khoa học kỹ thuật có thể biết được những thông tin chính xác kịp thời và đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành nên tài sản, góp phần bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp. Về việc lập báo cáo tài chính của kế toán sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như các nhà quản lý, nhà đầu tư, cơ quan thuế... một cách chính xác và cụ thể.

Qua một thời gian thực tập ở Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng với việc nghiên cứu đề tài: “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định XD Hải Phòng**” em xin đưa ra một số ý kiến sau:

3.1.1. Ưu điểm

▪ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:

- Chi nhánh công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng.

▪ Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của chi nhánh công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của chi nhánh công ty.

- Bộ máy kế toán hợp lý, khoa học, phân công nhiệm vụ rõ ràng; mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát toàn bộ công tác kế toán của chi nhánh công ty. Đội ngũ kế toán trong chi nhánh công ty là những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm lâu năm, nên phản ánh nhanh chóng, kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý.

▪ Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính:

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

- Về hệ thống tài khoản kế toán: Hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được công ty áp dụng đầy đủ, việc mở các tài khoản chi tiết cũng rất hợp lý và khoa học.

- Về hình thức sổ kế toán: Chi nhánh công ty áp dụng hình thức sổ “Nhật ký chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản, dễ áp dụng, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian và định khoản. Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với trình độ đội ngũ cán bộ kế toán, tình hình trang bị phương tiện kỹ thuật trong công tác tính toán, xử lý thông tin, phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của lãnh đạo chi nhánh công ty.

- Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

▪ Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty:

Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của chi nhánh công ty được áp dụng đúng theo chế độ kế toán ban hành theo Thông tư

200/2014/TT–BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp....Chi nhánh công ty cũng thường xuyên cập nhật kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán, giúp cho chi nhánh công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, phù hợp.

Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được chi nhánh công ty ghi chép một cách đầy đủ, chính xác; giúp chi nhánh công ty quản lý chặt chẽ được các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh; từ đó đưa ra những biện pháp điều chỉnh chi phí một cách hợp lý, giảm chi phí để tăng lợi nhuận của chi nhánh công ty.

Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo chi nhánh công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của chi nhánh công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng còn bộc lộ những hạn chế sau:

❖ Về việc xác định kết quả kinh doanh của từng mặt hàng:

Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng.

Trong đó gồm:

- Thí nghiệm kiểm định các chỉ tiêu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng.
- Kiểm tra đánh giá chất lượng các công trình xây dựng.
- Thí nghiệm hiện trường xuyên tĩnh, nán ngang, cắt cánh, nén tải tĩnh.
- Đo đạc thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính.
- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò khoáng sản.

Nhưng chi nhánh công ty lại không theo dõi doanh thu, giá vốn cũng như xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động riêng biệt nên việc phân tích số liệu để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời còn gặp nhiều khó khăn.

❖ Về công tác ghi chép sổ sách kế toán:

Trong thời kỳ công nghệ thông tin ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả to lớn, tính chính xác và tính kinh tế cao. Hiện nay, công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn còn chậm, dễ nhầm lẫn, thiếu sót.

❖ Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Việc trích lập các khoản dự phòng đồng nghĩa với việc dự kiến trước các tổn thất, để khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra công ty có nguồn kinh phí hợp lý kịp thời cho những rủi ro này, hoạt động kinh doanh sẽ không phải chịu những ảnh hưởng nặng nề, không phải chịu những tổn thất không đáng có. Tuy nhiên hiện tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng nợ phải thu tương đối lớn và có phát sinh các khoản nợ đã quá hạn thanh toán nhưng công ty lại chưa tiến hành trích lập dự phòng cho khoản này (Biểu 3.1).

Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ phải thu đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU ĐẾN NGÀY 30/6/2016

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Ghi chú
Công ty TNHH Bình Hai	146.295.100	146.295.100			
Công ty TNHH May xuất khẩu Minh Thành	116.264.000				
Công ty TNHH Hàng Hải	25.296.130	25.296.130			
Công ty TNHH kỹ thuật tự động Thái Bình	63.612.400				
Công ty TNHH Hoài An	37.799.258				
...	...	...	...	...	...
Tổng cộng	2.006.117.769	1.183.553.000	556.364.000	266.200.769	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 06 năm 2016
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Ngày nay, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nền kinh tế nước ta với chính sách mở cửa đã thu hút được các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước tạo ra động lực thúc đẩy sự tăng trưởng không ngừng của nền kinh tế. Khi mà các mối quan hệ hàng hóa tiền tệ ngày càng mở rộng và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp không chỉ sản xuất ra những hàng hóa, dịch vụ đúng số lượng và chất lượng mà còn phải tiêu thụ được những sản phẩm dịch vụ đó một cách nhanh nhất để thu hồi vốn sớm, tạo vòng quay của vốn nhanh nhất để kích thích bản thân các doanh nghiệp và nền kinh tế. Cùng với sự phát triển này, với sự đổi mới sâu sắc của cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống Kế toán Việt Nam với tư cách là công cụ quản lý Kinh tế- Tài chính đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện và phát triển, góp phần tích cực vào việc quản lý tài chính của doanh nghiệp nói chung và nâng cao hiệu quả quản lý quá trình tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Để đạt được mục tiêu đó, các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ doanh thu, chi phí, đồng thời tìm ra các biện pháp tốt nhất để giảm chi phí không cần thiết, tránh lãng phí. Một trong những công cụ hữu hiệu để quản lý chi phí đó là kế toán, mà trong đó kế toán tập hợp doanh thu, chi phí luôn được xác định là quan trọng và trọng tâm của toàn bộ công tác kế toán trong các doanh nghiệp. Vì vậy hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện kế toán của doanh nghiệp.

Cũng như nhiều doanh nghiệp khác, Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện để đứng vững, tồn tại trên thị trường. Đặc biệt là công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng ngày càng được coi trọng.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng về quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, phù hợp với thông tư nghị định của Nhà nước. Việc tổ chức công tác kế toán ở mỗi đơn vị cụ thể được phép vận dụng và cải biến sao cho phù hợp với tình hình của từng đơn vị, không dập khuôn máy móc nhưng cũng chỉ được sáng tạo trong chừng mực nhất định.

- Hoàn thiện phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tùy theo từng ngành nghề, lĩnh vực quy mô mà doanh nghiệp lựa chọn theo chế độ, quyết định phù hợp với công ty mình. Khi áp dụng phù hợp công tác sẽ trở nên đơn giản và hiệu quả hơn. Hoàn thiện công tác kế toán chính là mục tiêu cuối cùng để giảm bớt sự phức tạp, giảm khối lượng công việc kế toán nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc trưng của doanh nghiệp đặc biệt là phù hợp với trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong phòng kế toán.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng thông tin một cách kịp thời, chính xác góp phần làm tăng tính hiệu quả cho công tác quản lý của từng doanh nghiệp. Đặc biệt là thông tin kế toán nội bộ càng chính xác, kịp thời thì các quyết định quản trị càng khả thi và giúp cho doanh nghiệp nắm bắt được kịp thời sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Thông tin kế toán có được sau khi hoàn thiện phải tốt hơn, chuẩn hơn, đầy đủ hơn so với trước.

- Hoàn thiện phải đảm bảo tính khả thi dựa trên nguyên tắc tiết kiệm mà hiệu quả. Tiết kiệm là làm sao mà chi phí bỏ ra là thấp nhất mà hiệu quả thu được là cao nhất thì khi đó hoàn thiện thực sự mới có kết quả tốt. Ngược lại để hoàn thiện công tác kế toán mà chi phí bỏ ra quá lớn nhưng trong khi đó lợi ích thu lại được không đủ bù đắp cho chi phí bỏ ra thì không khả thi.

3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng.

Hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là một phần không thể thiếu trong quá trình thực hiện công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp. Việc tính đúng, tính đủ chi phí còn giúp cung cấp kịp thời, chính xác thông tin phục vụ cho các quyết định quản lý. Do đó, công tác kế toán nói

chung, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng cần được hoàn thiện để làm cơ sở đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Với những hiểu biết còn hạn chế của bản thân, sau đây em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng:

3.2.3.1 Ý kiến thứ nhất Chi nhánh công ty nên xác định kết quả kinh doanh theo từng dịch vụ

Để phục vụ cho công tác quản lý chi nhánh công ty cần xây dựng hệ thống tài khoản theo dõi chi tiết doanh thu và giá vốn cũng như xây dựng hệ thống sổ sách chi tiết tương ứng qua đó giúp chi nhánh công ty xác định chính xác kết quả kinh doanh của từng dịch vụ của ngành nghề mà chi nhánh công ty kinh doanh. Chi nhánh công ty có thể mở như sau:

- Về doanh thu (Biểu 3.2):

- TK 51131: Thí nghiệm kiểm định các chỉ tiêu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng.
- TK 51132: Kiểm tra đánh giá chất lượng các công trình xây dựng
- TK 51133: Thí nghiệm hiện trường xuyên tĩnh, nán ngang, cắt cánh, nén tải tĩnh
- TK 51134: Đo đạc thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính
- TK 51135: Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò khoáng sản

- Về giá vốn (Biểu 3.3):

- TK 6321: Thí nghiệm kiểm định các chỉ tiêu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng.

TK 6322: Kiểm tra đánh giá chất lượng các công trình xây dựng

TK 6323: Thí nghiệm hiện trường xuyên tĩnh, nán ngang, cắt cánh, nén tải tĩnh

TK 6324: Đo đạc thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính

TK6325: Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò khoáng sản

- Về chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi nhánh công ty có thể phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp theo tiêu thức phù hợp để xác định chính xác kết quả kinh doanh của từng hoạt động (biểu số 3.4).

Biểu số 3.2: Sổ theo dõi chi tiết doanh thu theo từng dịch vụ

SỔ THEO DÕI CHI TIẾT DOANH THU THEO TỪNG DỊCH VỤ

Tên dịch vụ:.....

Tháng.....năm....

Đơn vị tính:....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượn g	Đơ n giá	Thàn h tiền	Thuế	Khác (5211, 5212,5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 3.3: Sổ theo dõi chi tiết giá vốn theo từng dịch vụ

SỔ THEO DÕI CHI TIẾT GIÁ VỐN THEO TỪNG DỊCH VỤ

Tên dịch vụ:.....

Tháng.....năm....

Đơn vị tính:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Cộng phát sinh					
			Số dư cuối kỳ					

Ngày.....tháng.....năm....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 3.4: Sổ theo dõi kết quả kinh doanh.

Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng

SỔ THEO DÕI KẾT QUẢ KINH DOANH THEO TỪNG DỊCH VỤ

Năm 2016

Chỉ tiêu	Thí nghiệm kiểm định các chỉ tiêu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng (51131)	Kiểm tra đánh giá chất lượng các công trình xây dựng (51132)	Thí nghiệm hiện trường xuyên tĩnh, nán ngang, cắt cánh, nén tải tĩnh (51133)	Đo đạc thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính (51134)	Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò khoáng sản (51135)	Cộng 5113
1.Doanh thu BHCCDV						
2.Giá vốn hàng hóa						
3. Lợi nhuận gộp						
4.Chi phí quản lý DN						
5.Lợi nhuận thuần từ HĐKD (=1-2-3)						

Người ghi sổ
(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.3.2 Ý kiến thứ hai: Chi nhánh công ty nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi

– Dự phòng phải thu khó đòi: Là dự phòng phần giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu khi quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán. Hiện tại, chi nhánh công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vì vậy trong thời gian tới chi nhánh công ty nên tiến hành trích lập khoản này để đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

– Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi và thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 như sau:

a) **Điều kiện trích lập dự phòng phải thu khách hàng:**

- Khoản nợ gốc có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.
- Các khoản không để căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.
- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:
 - Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế.
 - Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

b) **Phương pháp xác định kế toán dự phòng giảm thu khó đòi.**

- Chi nhánh công ty phải theo dõi riêng và thu hồi các khoản của con nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn phải chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Chi nhánh công ty nên trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm trở lên.
- **Chứng từ sử dụng:** Chứng từ gốc, đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế và các chứng từ khác.
- **Tài khoản sử dụng:** TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản, chi tiết TK 229 (3)
 - Dự phòng phải thu khó đòi.
- **Kết cấu tài khoản 229(3):**

Bên nợ:

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi

Xử lý các khoản phải thu khó đòi đã lập cuối năm trước.

Bên có:

Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý kinh doanh.

Số dư bên có: Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối năm.

✓ Trình tự hạch toán:

- Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, tính mức dự phòng nợ phải thu khó đòi cần lập lần đầu.

Nợ TK 642: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK 229 (3): Số tiền trích lập dự phòng

- Cuối kỳ kế toán sau, nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số đã lập.

Cuối kỳ trước số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập:

Nợ TK 229 (3): Số tiền hoàn nhập

Có TK 642: Số tiền hoàn nhập

Còn nếu nhỏ hơn thì số chênh lệch lớn hơn sẽ phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: Số tiền trích lập thêm

Có TK 229 (3): Số tiền trích lập thêm

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự không đòi được sẽ được phép xóa nợ theo chính sách tài chính hiện hành:

Nợ TK 229 (3): (Phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642: (Phần tính vào chi phí doanh nghiệp)

Có TK 131,138,128,224,...

- Đối với các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được:

Nợ TK 111, 112... : Số tiền thực tế đã thu hồi được

Có TK 711 : Số tiền thực tế đã thu hồi được

Ví dụ: Ngày 30/06/2016, kế toán tiến hành lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Biểu số 3.5) trên Báo cáo tình hình công nợ (biểu số 3.1) như sau:

Biểu số 3.5: Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng

BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
Công ty TNHH May xuất khẩu Minh Thành	116.264.000	15 tháng 10 ngày	50%	58.132.000
Công ty TNHH kỹ thuật tự động Thái Bình	63.612.400	20 tháng 02 ngày	50%	31.806.200
Công ty TNHH Hoài An	37.799.258	8 tháng	30%	11.339.777
...	...			...
Tổng cộng	266.200.769			143.100.384

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 143.100.384

Có TK 229: 143.100.384

Kế toán lập phiếu cho nghiệp vụ trên và ghi vào các sổ sách liên quan.

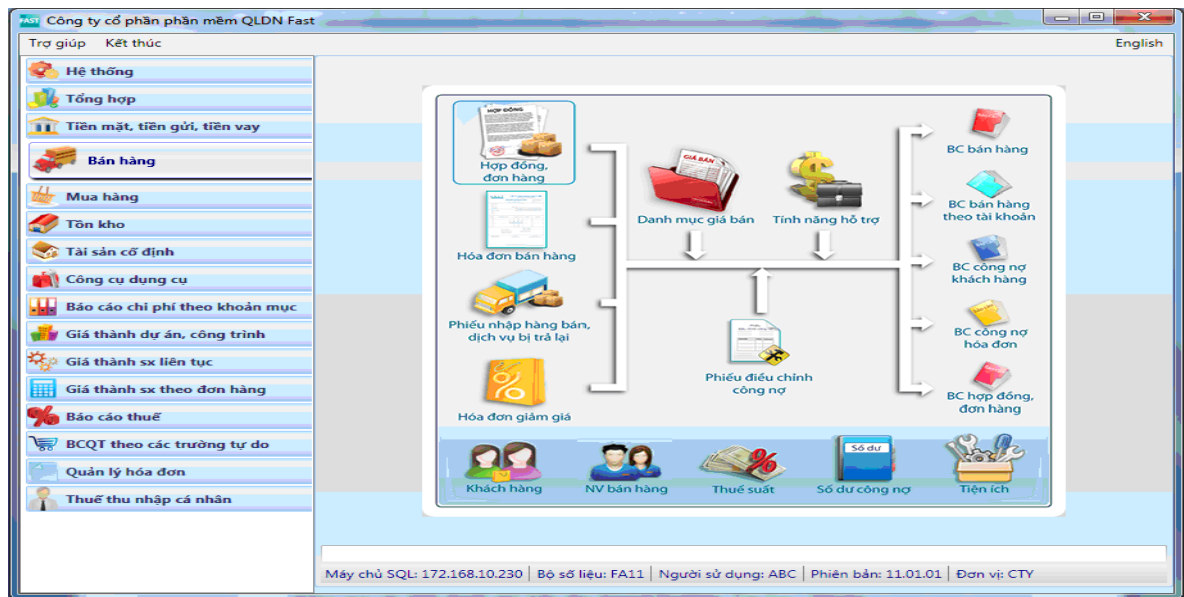
3.2.3.3 Ý kiến thứ ba Chi nhánh công ty nên áp dụng kế toán máy

Tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Công việc kế toán được tổng hợp vào cuối tháng cho nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy, công ty nên ứng dụng phần mềm vào chi phí quản lý ghi chép sổ sách kế toán. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, chi nhánh công ty cần quan

tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại chi nhánh công ty.

Chi nhánh công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như sau:

▪ **Phần mềm kế toán FAST**



Hình 3.1: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy

- Thông tin về các gói sản phẩm của FAST: FAST Accounting là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất.
- Thông tin về giá cả: Giá phần mềm kế toán FAST Accounting 10.0 dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại là: 8.000.000 đồng.
- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST. Liên hệ: www.fast.com.vn

▪ **Phần mềm kế toán MISA**



Hình 3.2: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy MISA SME.NET 2015

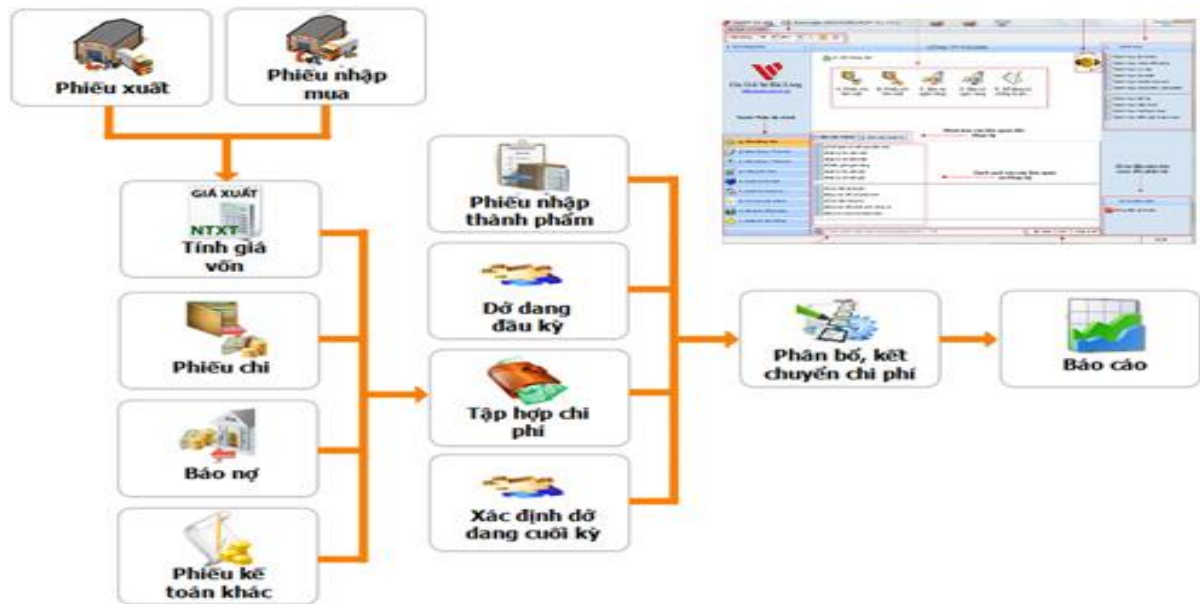
- Thông tin về các gói sản phẩm của MISA: phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất với các gói sản phẩm như Express, Starter, Standard, Professional, Enterprise.

- Thông tin về giá cả các gói sản phẩm là:

Gói sản phẩm	Đơn giá	Mô tả
Express	Miễn phí	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Starter	2.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Standard	6.950.000 đồng	Gồm 11 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Professional	8.950.000 đồng	Gồm 13 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Enterprise	10.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần Misa (MISA JSC).
Liên hệ: www.misa.com.vn.

▪ **Phần mềm kế toán VACOM**



Hình 3.3: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy VACOM

- Thông tin về gói sản phẩm, thông tin về giá cả: liên hệ đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần công nghệ phần mềm kế toán VACOM.
- Website: www.vacom.com.vn

Đánh giá các tính năng của sản phẩm theo nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp là một trong những bước đi quan trọng nhất nhằm lựa chọn một sản phẩm phần mềm kế toán phù hợp với giá cả hợp lý. Công ty nên tham khảo trước một số phần mềm để đưa ra lựa chọn đúng đắn.

KẾT LUẬN

Trong kinh doanh, với bất kỳ doanh nghiệp nào thì tiêu thụ luôn là khâu quan trọng quyết định sự tồn vong của doanh nghiệp. Nhà quản lý cần nắm bắt được những thông tin cần thiết của quá trình tiêu thụ và điều mà họ quan tâm nhất chính là kết quả cuối cùng – chỉ tiêu lợi nhuận. Do đó công tác hạch toán kế toán ở khâu tiêu thụ có vai trò rất quan trọng, cung cấp thông tin để doanh nghiệp đưa ra những hướng đi tiếp theo. Trong đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ một nhiệm vụ rất quan trọng.

Trong quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng, em đã mạnh dạn chọn đề tài “ ***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng***” để làm đề tài khóa luận. Trong cuốn khóa luận này em đã vận dụng những kiến thức được học tại trường để hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng. Từ đó mạnh dạn đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Với kiến thức còn nhiều hạn chế và khả năng tìm hiểu thực tế còn chưa cao nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Kính mong nhận được sự cảm thông và góp ý kiến đánh giá của các thầy cô.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn *Ths. Hòa Thị Thanh Hương* và toàn thể cán bộ nhân viên phòng kế toán của Chi nhánh Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Hải Phòng đã giúp em hoàn thành đề tài này.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Sinh viên

Nguyễn Thị Bích Hậu

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- 2.Chế độ kế toán doanh nghiệp – Nhà xuất bản tài chính
- 3.Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1 và 2) – Nhà xuất bản tài chính
- 4.Lý thuyết và thực hành kế toán – NXB Tài chính Hà Nội
- 5.Giáo trình kế toán tài chính – Trường Học viện tài chính
- 6.Giáo trình nguyên lý kế toán – Nhà xuất bản thống kê.
- 7.Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – PGS.TS. Võ Văn Nhị - Nhà xuất bản tài chính.
- 8.Sổ sách kế toán Chi nhánh công ty Khảo sát và Xây dựng – USCO – Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định XD Hải Phòng.
- 9.website : ketoanthue.vn và ketoanthucte.com